



CÂU HỎI ÔN TẬP PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM NĂM HỌC 2019-2020

Câu 1. Trong chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp giai cấp tư sản ở Việt Nam bị phân hóa như thế nào?

- A. Tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.
- B. Tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp.
- C. Tư sản dân tộc và tư sản mại bản.
- D. Tư sản dân tộc và tư sản công thương.

Câu 2. Trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành nào?

- A. Ngoại thương.
- B. Công nghiệp
- C. Nông nghiệp
- D. Giao thông vận tải.

Câu 3. Giai cấp tiểu tư sản gồm những thành phần nào?

- A. Tiểu thương, tiểu chủ, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên.
- B. Viên chức trong công sở của Pháp, quan lại của triều đình phong kiến.
- C. Tiểu thương, tiểu chủ, tiểu nông.
- D. Học sinh sinh viên, viên chức, trí thức.

Câu 4. Trong thời gian ở Liên Xô từ 1923 – 1924, Nguyễn Ái Quốc đã tham dự những Đại Hội, Hội nghị quốc tế nào?

- A. Hội nghị quốc tế công nhân, Đại hội Quốc tế cộng sản lần V.
- B. Hội nghị quốc tế nông dân, Đại hội Quốc tế cộng sản lần V.
- C. Hội nghị quốc tế nông dân, Đại hội Quốc tế cộng sản lần III.
- D. Hội nghị quốc tế phụ nữ, Đại hội Quốc tế cộng sản lần IV.

Câu 5. Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của Angiêri, Maroc, Tuynidi, . . . lập ra tổ chức nào?

- A. Hội liên hiệp thuộc địa
- B. Tổ chức Những người Cộng sản.
- C. Tổ chức Những người Vô sản.
- D. Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Câu 6. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc như thế nào ?

- A. Có thái độ kiên quyết trong việc đấu tranh chống Pháp
- B. Có thái độ không kiên quyết để thỏa hiệp với Pháp
- C. Có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để
- D. Có thái độ phản đối đấu tranh cách mạng

Câu 7. Sự kiện nào đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân bắt đầu chuyển sang thời kì đấu tranh tự giác.

- A. Bãi công của công nhân Sài Gòn- Chợ Lớn
- B. Bãi công của công nhân Ba Son
- B. Đảng cộng Sản Việt Nam ra đời
- D. Sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản

Câu 8. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt



Nam?

- A. Gửi bản yêu sách 8 điểm đến hội nghị Véc xai (1919).
- B. Đọc bản sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê Nin (7/1920)
- C. Lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pa ri (1921)
- D. Sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6/1925).

Câu 9. Giai cấp công nhân Việt Nam có nguồn gốc xuất thân từ ?

- A. Giai cấp tư sản bị phá sản
- B. Giai cấp nông dân
- C. Giai cấp tiểu tư sản bị chèn ép.
- D. Thợ thủ công bị thất nghiệp.

Câu 10: Trong chính sách thương nghiệp, thực dân Pháp đã đánh thuế nặng hàng hóa nước ngoài vì muốn.

- A. tạo sự cạnh tranh hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.
- B. cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài.
- C. độc chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.
- D. tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.

Câu 11. Lý do cơ bản mà trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?

- A. Vì phải đầu tư vốn lớn, mà quay vòng vốn lại chậm.
- B. Vì phải đầu tư nhiều kỹ thuật, để lại cơ sở vật chất cho thuộc địa.
- C. Vì sợ kinh tế Việt Nam cạnh tranh với nền kinh tế chính quốc.
- D. Hạn chế sự phát triển và buộc kinh tế Việt Nam phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

Câu 12. Điểm khác biệt về hướng đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc so với các vị tiền bối đi trước là

- A. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.
- B. đi sang châu Mỹ tìm đường cứu nước.**
- C. đi sang châu Phi tìm đường cứu nước.**
- D. đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.**

Câu 13. Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân khách quan làm cho phong trào yêu nước dân chủ tư sản 1919 - 1926 cuối cùng bị thất bại?

- A. Tầng lớp tiểu tư sản còn bấp bênh.
- B. Thực dân Pháp còn đang mạnh nên đủ sức đàn áp phong trào.
- C. Giai cấp tư sản dân tộc do yếu kém về kinh tế, chính trị.
- D. Do các phong trào chưa liên kết với nhau.

Câu 14. Mục tiêu chính của phong trào yêu nước dân chủ tư sản trong những năm 1919 – 1925 là

- A. đòi một số quyền lợi về kinh tế và chính trị của giai cấp.
- B. chống bọn tư bản Pháp nắm độc quyền xuất cảng lúa gạo.
- C. đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội châu.
- D. thành lập Đảng Lập hiến tập hợp lực lượng quần chúng chống Pháp.

Câu 15. So với giai cấp công nhân quốc tế, công nhân Việt Nam có đặc điểm riêng nào sau đây?

- A. Bị ba tầng áp bức bóc lột.



- B. Ra đời cùng lúc với giai cấp tư sản.
- C. Làm việc tại những thành phố lớn.
- D. Bị giai cấp tư sản bóc lột.

Câu 16. Đặc điểm nào sau đây **không** phải là đặc điểm của nông dân Việt Nam?

- A. Chiếm số đông trong xã hội.
- B. Là lực lượng đông đảo của cách mạng.
- C. Bị bóc lột cùng hóa trên qui mô lớn.
- D. Có trình độ cao.

Câu 17. Mục tiêu đấu tranh chủ yếu của phong trào công nhân trong những năm 1919 - 1924 là

- A. đòi quyền lợi về kinh tế.
- B. đòi quyền lợi về chính trị.
- C. đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị.
- D. chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.

Câu 11. Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc Việt nam là?

- A. Sáng lập ra Đảng Cộng Sản Việt Nam
- B. Gửi bản yêu sách lên Hội nghị Véc xai
- C. Tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc
- D. Truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê nin

Câu 3. Ý nghĩa lớn nhất trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1919 đến 1925 là gì?

- A. Sự chuẩn bị tư tưởng, chính trị và tổ chức cho thành lập Đảng (1930)
- B. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam(1921-1930)
- C. Quá trình thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam(1929)
- D. Quá trình thực hiện chủ trương “ Vô sản hóa” (1928)

Câu 16. Nội dung lớn nhất trong khuynh hướng cách mạng Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đó là?

- A. Sự xuất hiện và phát triển của khuynh hướng vô sản
- B. Sự thất bại của khuynh hướng dân chủ tư sản.
- C. Sự tồn tại song song 2 khuynh hướng vô sản và tư sản.
- D. Sự thắng thế của khuynh hướng vô sản

Câu 17. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng được xem là

- A. văn kiện của Đảng.
- B. tài liệu chính trị đặc biệt của Đảng.
- C. nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 18. Chương trình hành động của Việt Nam Quốc dân đảng được công bố năm 1929 đã xác định tư tưởng cốt lõi của tổ chức là gì?

- A. Độc lập và tự do.
- B. Độc lập và dân chủ.
- C. Tự do, bình đẳng, bác ái.
- D. Thiết lập xã hội bình đẳng, bác ái.

Câu 19. Tổ chức nào dưới đây là hạt nhân đưa tới sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng (6-1929)?

- A. Hội Việt Nam Nghĩa đoàn.



- B. Tân Việt Cách mạng đảng.
- C. Việt Nam Quốc dân đảng.
- D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 20. Tác phẩm nào dưới đây là cơ quan ngôn luận của hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

- A. Báo Thanh Niên.
- B. Đường Cách Mệnh.
- C. Bản án chế độ thực dân.
- D. Báo Người cùng khổ.

Câu 21. Tác phẩm nào dưới đây tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ cách mạng ?

- A. Nhật kí trong tù.
- B. Đường Cách mệnh.
- C. Hồ Chí Minh toàn tập.
- D. Bản án chế độ thực dân Pháp.

Câu 22. Đại biểu của tổ chức cộng sản nào dưới đây **không** tham dự Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930?

- A. Đông Dương Cộng sản Đảng.
- B. An Nam Cộng sản Đảng.
- C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. An Nam cộng sản Đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 23. Mục tiêu hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng (27-12-1927) là gì?

- A. Đánh đuổi thực dân Pháp xoá bỏ ngôi vua.
- B. Đánh đuổi thực dân Pháp thiết lập dân quyền.
- C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
- D. đánh đổ ngôi vua, đánh đuổi giặc Pháp lập nên nước Việt Nam độc lập.

Câu 24. Năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân hoá thành tổ chức cộng sản nào sau đây ?

- A. Đảng Tân Việt và Đông Dương Cộng sản liên đoàn
- B. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng
- C. Việt Nam Quốc dân Đảng và Đông Dương Cộng sản đảng
- D. Đông Dương Cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn

Câu 25. Mục đích hoạt động cơ bản của tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên khi ra đời là

- A. tập hợp quần chúng đấu tranh.
- B. truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê Nin.
- C. xây dựng cơ sở trong quần chúng.
- D. lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống Pháp, tay sai.

Câu 26. Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á đông đã đề ra chủ trương nào dưới đây?

- A. Tiến hành cách mạng bằng bạo lực, xây dựng chính thể Cộng hòa.
- B. Thực hiện phong trào “vô sản hóa” đoàn kết các dân tộc chống đế quốc thực dân.
- C. Liên lạc các dân tộc bị áp bức để cùng làm, đánh đổ đế quốc.
- D. Lãnh đạo quần chúng trong nước liên lạc các dân tộc đấu tranh giải phóng dân tộc.



Câu 27. Sau khi dự lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ ở Quảng Châu học viên ưu tú Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tiếp tục thực hiện nhiệm vụ gì dưới đây ?

- A. Xây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm.
- B. Được cử đi học ở một số trường tại Trung Quốc, Liên Xô.
- C. Bí mật về Việt Nam truyền bá lí luận giải phóng dân tộc.
- D. Tập hợp xây dựng lực lượng cho cuộc đấu tranh chống Pháp.

Câu 28. Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây dẫn đến cuộc Khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) thất bại?

- A. Đế quốc Pháp còn mạnh.
- B. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.
- C. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.
- D. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu.

Câu 29. Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập tháng 12/1927 là chính đảng của giai cấp nào ?

- A. Tư sản Việt Nam
- B. Vô sản Việt Nam
- C. Nông dân Việt Nam
- D. Tiểu tư sản trí thức

Câu 30. Nội dung nào dưới đây phản ánh ý nghĩa lịch sử lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Yên Bái ?

- A. Cổ vũ lòng yêu nước, chí căm thù của nhân dân ta với bè lũ cướp nước và tay sai.
- B. Thể hiện vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc.
- C. Nối tiếp truyền thống yêu nước của giai cấp tư sản.
- D. Đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc của nhân dân ta.

Câu 31. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản

- A. là bước ngoặt của phong trào cách mạng Việt Nam.
- B. là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.
- B. là xua thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc.
- D. là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của chính đảng cộng sản sau này.

Câu 32. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là gì ?

- A. Tư tưởng độc lập, tự do.
- B. Tư tưởng dân chủ và tự do.
- C. Tư tưởng bình đẳng, bác ái.
- D. Độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày.

Câu 33. Điểm khác nhau cơ bản giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên và Luận cương chính trị (10-1930) của Đảng là gì ?

- A. Xác định lực lượng cách mạng Việt Nam.
- B. Xác định nhiệm vụ và lực lượng cách mạng.
- C. Xác định vị trí cách mạng Việt Nam.
- D. Xác định chiến lược cách mạng Việt Nam.

Câu 34. Tổ chức nào dưới đây hoạt động theo khuynh hướng cách mạng vô sản sớm nhất của Việt Nam?

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- B. Đông Dương cộng sản đảng.
- C. An Nam cộng sản đảng.



D. Đồng dương cộng sản liên đoàn.

Câu 35. Sắp xếp các sự kiện dưới đây theo đúng trình tự thời gian. sau:

1. Chủ trương "Vô sản hóa" của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
2. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên sáng lập báo Thanh niên.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập.
4. Đồng Dương cộng sản đảng thành lập.

A. 1,2,3,4.

B. 2,1,3,4.

C. 3,1,2,4.

D. 2,1,4,3.

Câu 36. Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây dẫn đến thất bại của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản ở Việt Nam?

- A. Thiếu đường lối chính trị đúng đắn và phương pháp khoa học.
- B. So sánh lực lượng không có lợi cho cách mạng, thời cơ chưa xuất hiện.
- C. Ngọn cờ tư tưởng tư sản đã lỗi thời, không tập hợp được lực lượng.
- D. Nổ ra trong tình thế bị động, tổ chức thiếu chu đáo, Pháp đang mạnh.

Câu 37. Sự ra đời và hoạt động của 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 đã có hạn chế nào dưới đây?

- A. Làm phong trào cách mạng Việt Nam chậm phát triển.
- B. Ngăn cản sự đoàn kết lực lượng cách mạng Việt Nam.
- C. Tranh giành phạm vi ảnh hưởng của tổ chức đảng với nhau.
- D. Làm mất đoàn kết, ảnh hưởng không tốt đến cách mạng Việt Nam.

Câu 38. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam vì

- A. giai cấp công nhân là lực lượng đông đảo.
- B. công nhân có ý thức quyền lợi giai cấp.
- C. giai cấp công nhân có tinh thần Cách mạng triệt để.
- D. công nhân là lực lượng đại diện cho phương thức sản xuất mới.

Câu 39. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của việc thành lập Đảng đầu năm 1930 ?

- A. Là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của nhân dân Việt Nam.
- B. Đã hình thành nên khối liên minh công-nông, trở thành nòng cốt cách mạng.
- C. Là sự sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử trên con đường giải phóng dân tộc.
- D. Là sản phẩm kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào yêu nước.

Câu 40. Nhận xét nào dưới đây là đúng với tác động chủ trương "vô sản hóa" đối với phong trào công nhân?

- A. Phong trào công nhân chuyển từ tự phát sang tự giác.
- B. Phong trào công nhân đã chuyển biến mạnh mẽ về chất.
- C. Phong trào công nhân được đánh dấu bước tiến mới tăng nhanh về số lượng.
- D. Phong trào công nhân có bước chuyển biến mạnh mẽ, có sự liên kết chặt chẽ hơn.

Câu 41. Tại sao khẳng định tác phẩm đường cách mệnh đã trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân cho các tầng lớp nhân dân?

A Tuyên truyền tư tưởng đánh đổ đế quốc, thiết lập xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.



B. Thể hiện quan điểm về cách mạng và đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam.

C. Tuyên truyền tư tưởng giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa thực dân.

D. Tuyên truyền giáo dục lý luận và xây dựng tổ chức cách mạng.

Câu 42: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 - 1933 đã tác động đến ngành kinh tế nào đầu tiên ở nước ta?

A. Nông nghiệp.

B. Công nghiệp.

C. Thương nghiệp.

D. Dịch vụ.

Câu 43: Luận cương chính trị tháng 10- 1930 nặng về.

A. đấu tranh giải phóng dân tộc

B. đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất

C. đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp

D. đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng

Câu 44: Điều gì đã chứng tỏ rằng: Từ tháng 9/1930 trở đi phong trào cách mạng 1930 - 1931 dần đạt tới đỉnh cao?

A. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết.

B. Phong trào diễn ra sôi nổi, rộng khắp trong cả nước.

C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.

D. Đã thực hiện được liên minh công - nông vững chắc.

Câu 45: Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935) xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng thế giới là gì?

A. Chống chủ nghĩa đế quốc.

B. Chống chủ nghĩa phát xít.

C. Chống chủ nghĩa thực dân.

D. Chống chế độ phản động thuộc địa

Câu 46: Phương pháp đấu tranh của cách mạng thời kỳ 1936 – 1939 là sự kết hợp.

A. công khai, bí mật và đấu tranh vũ trang.

B. hợp pháp, bất hợp pháp, đấu tranh chính trị.

C. công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

D. đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, bất hợp pháp.

Câu 47: Mục tiêu đấu tranh trong giai đoạn 1936 - 1939 được Đảng xác định là.

A. Đánh đổ đế quốc - phát xít.

B. Độc lập dân tộc và người cày có ruộng.

C. Tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

D. Đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc.

Câu 48: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936) đã chủ trương thành lập.

A. Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương.

B. Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh.

C. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

Câu 49: Tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là.

A. Chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

B. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

C. Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc.

D. Chủ nghĩa phát xít.

Câu 50: Tại sao phong trào dân chủ 1936 – 1939 thu hút được sự hưởng ứng đông đảo của các tầng lớp nhân dân?



- A. Sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh.
- B. Quần chúng đã được tuyên truyền và giác ngộ cao về chính trị.
- C. Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp nói lỏng một số chính sách tiền bộ.
- D. Đảng đã có mục tiêu, phương pháp và khẩu hiệu đấu tranh phù hợp.

Câu 51: Vì sao phong trào dân chủ 1936 – 1936 có sự điều chỉnh về đường lối và phương pháp đấu tranh?

- A. Tương quan lực lượng giữa ta và địch có sự thay đổi lớn.
- B. Hoàn cảnh thế giới và trong nước thay đổi so với trước.
- C. Sự nhảy bèn với thời cuộc của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Thực dân Pháp đàn áp dã man phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

Câu 52: Mục đích chính của Đảng khi tổ chức phong trào đón phái viên G. Gôđa vào đầu năm 1937 là gì?

- A. Tập dợt lực lượng cách mạng.
- B. Thức tỉnh quần chúng đấu tranh.
- C. Biểu dương sức mạnh quần chúng.
- C. Đưa ra những yêu sách dân sinh, dân chủ.

Câu 53: Những hình thức đấu tranh mới được Đảng vận dụng trong phong trào dân chủ 1936 - 1939 là gì?

- A. Mít tinh, biểu tình đòi quyền sống.
- B. Biểu tình có vũ trang, tổng bãi công chính trị.
- C. Đấu tranh nghị trường, mít tinh, hội họp.
- D. Đấu tranh nghị trường, đấu tranh báo chí.

Câu 54: So với phong trào 1930 – 1931, điểm khác biệt về phương pháp đấu tranh của thời kì 1936 – 1939 là kết hợp đấu tranh.

- A. công khai và bí mật.
- B. chính trị và vũ trang.
- C. nghị trường và đấu tranh báo chí.
- D. ngoại giao với vận động quần chúng.

Câu 55: Phong trào dân chủ 1936 - 1939 có gì khác so với phong trào cách mạng 1930 - 1931 về mục tiêu đấu tranh?

- A. Tập trung vào nhiệm vụ phản đế.
- B. Đòi giảm tô, giảm tức, xóa nợ cho nông dân.
- C. Đòi cải thiện đời sống, tự do dân chủ, hòa bình.
- D. Tập trung vào nhiệm vụ phản phong.

Câu 56: Cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trong những năm 1936 – 1939 thực chất là cuộc.

- A. vận động dân tộc, dân chủ.
- B. cách mạng giải phóng dân tộc.
- C. tuyên truyền, giác ngộ quần chúng.
- D. đấu tranh giai cấp để giải phóng dân tộc.

Câu 57: Bài học nào được rút ra từ phong trào dân chủ 1936 – 1939 còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay?

- A. Chủ trương phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.
- B. Phương pháp tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.
- C. Linh hoạt các phương pháp đấu tranh kinh tế, chính trị, ngoại giao.
- D. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào cách mạng nước ta.

Câu 58. Khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật-Pháp” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” được nêu ra trong văn kiện nào dưới đây?

- A. Văn kiện Đại hội Quốc dân Tân Trào (16→ 17-8-1945).
- B. Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (3-1945).
- C. Văn kiện Hội nghị toàn quốc của Đảng (14→ 15-8-1945).
- D. Văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (9-3-1945).

Câu 59. Hội nghị Trung ương Đảng 11-1939 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến



lược cách mạng vì

- A. giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. B. đặt vấn đề dân tộc cho toàn cõi Đông Dương.
C. giải quyết kịp thời vấn đề ruộng đất cho nông dân. D. xác định kẻ thù chủ yếu trước mắt là phát xít Nhật.

Câu 60. Đảng Cộng sản Đông Dương xác định kẻ thù của cách mạng trong giai đoạn 1939 - 1945 là

- A. đế quốc, phát xít. B. thực dân, phong kiến.
C. phát xít Nhật, tay sai. D. bọn phản động thuộc địa và tay sai.

Câu 61. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) chủ trương thành lập mặt trận nào dưới đây?

- A. Mặt trận Liên Việt. B. Mặt trận Đồng Minh.
C. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.
D. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh).

Câu 62. “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy” là nội dung của văn kiện nào dưới đây?

- A. Tuyên ngôn Độc lập. B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
C. Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh. D. Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng.

Câu 63. Việt Nam Giải phóng quân ra đời là sự hợp nhất của các tổ chức nào?

- A. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.
B. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.
C. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.
D. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với du kích Thái Nguyên.

Câu 64. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách gì ở Việt Nam?

- A. Kinh tế mới. B. Kinh tế chỉ huy.
C. Kinh tế thời chiến. D. Thuộc địa thời chiến.

Câu 65. Trong lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra chỉ thị nào dưới đây?

- A. Đánh đuổi Pháp-Nhật. B. Đánh đuổi phát xít Nhật.
C. Chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. D. Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.

Câu 66. Lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Bắc Sơn. B. Khởi nghĩa Nam Kỳ.
C. Binh biến Đô Lương. D. Khởi nghĩa Ba Tơ.

Câu 67. Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (13-8-1945) đã thông qua quyết định quan trọng nào dưới đây?

- A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.
B. Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
C. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa và hạ lệnh tổng khởi nghĩa.
D. Thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân.

Câu 68. Hội nghị toàn quốc của Đảng (14→15-8-1945) đã quyết định vấn đề cơ bản nào dưới đây?

- A. Phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước. B. Cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.
C. Kêu gọi nhân dân đứng lên chuẩn bị tổng khởi nghĩa. D. Giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Đông Dương.

Câu 69. “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập” được trích trong

- A. Tuyên ngôn Độc lập.
- B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- C. 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh.
- D. tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi.

Câu 70. Chủ trương thành lập Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được nêu ra trong sự kiện nào?

- A. Đại hội Quốc dân ở Tân Trào.
B. Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào.
C. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6.
D. HN BCH Trung ương Đảng lần thứ 8

Câu 71. Khi quân Nhật vượt biên giới Việt-Trung tiến vào miền Bắc Việt Nam, quân Pháp có thái độ và hành động gì?

- A. Kiên quyết đấu tranh chống quân Nhật.
B. Phối hợp cùng nhân dân ta đấu tranh chống Nhật.
C. Vừa chống Nhật, vừa bắt tay với chúng để đàn áp nhân dân Đông Dương.
D. Nhanh chóng đầu hàng, cầu kết với Nhật cùng thống trị và bóc lột nhân dân.

Câu 72. Cách mạng tháng Tám 1945 đã góp phần vào chiến thắng chống phát xít của thế giới là vì

- A. đã giành chính quyền ở Hà Nội sớm nhất.
B. đã lật đổ chế độ phong kiến và nền thống trị của Nhật.
C. đã lật đổ nền thống trị của phát xít Nhật ở Việt Nam.
D. đã lật đổ chế độ phong kiến và nền thống trị của Pháp, Nhật.

Câu 73. Nội dung nào dưới đây **không** phải là ý nghĩa của cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Góp phần vào chiến thắng chống phát xít của phe Đồng minh.
B. Mở ra một kỉ nguyên mới: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
C. Phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp-Nhật và phong kiến, đưa nhân dân nắm chính quyền.
D. Buộc Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Câu 74. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 có vai trò như thế nào đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Chủ trương thành lập Việt Minh. B. củng cố được khối đoàn kết nhân dân.
C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng.

Câu 75. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 đã xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Đông Dương là gì?

- A. Xác định đúng kẻ thù là phát xít Nhật.
- B. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
- C. Mở rộng vấn đề dân chủ trên toàn cõi Đông Dương.
- D. Kịp thời giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 76. Nguyên nhân cơ bản quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

- A. Liên minh công-nông vững chắc.
B. Phát xít Nhật bị quân Đồng minh đánh bại, kẻ thù chính của Đông Dương đã gục ngã.
C. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
D. Truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân.

Câu 77. Điểm giống nhau cơ bản giữa nội dung Hội nghị 11-1939 và Hội nghị 5-1941 là gì?

- C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.**



D. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

Câu 78. Chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Hội nghị 5-1941 có điểm gì khác so với Hội nghị 11-1939?

- A. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
- B. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc trong phạm vi từng nước.
- C. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc là mục tiêu số một của cách mạng.
- D. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 79. Nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của Cách mạng Đông Dương thời kỳ 1939 - 1945 là gì?

- A. Chống phát xít.
- B. Chống phong kiến.
- C. Giải phóng dân tộc.
- D. Chống đế quốc, phong kiến.

Câu 80. Trong chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", Trung ương Đảng xác định kẻ thù của nhân dân Đông Dương là

- A. phát xít Nhật.
- B. thực dân Pháp.
- C. các thế lực phong kiến tay sai.
- D. thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Câu 81. Hình thái khởi nghĩa đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa được xác định trong hội nghị nào dưới đây?

- A. Hội nghị thành lập Đảng (đầu 1930).
- B. Hội nghị Trung ương Đảng lần 8 (5-1941).
- C. Hội nghị Trung ương Đảng lần 6(11-1939).
- D. Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào (14-15-8-1945).

Câu 82. Mặt trận Việt Minh có vai trò gì trong cao trào kháng Nhật cứu nước?

- A. Lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh chống Nhật giành độc lập dân tộc.
- B. Phát động và đưa ra chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".
- C. Lãnh đạo nhân dân đứng lên lật đổ chế độ phong kiến, xây dựng một xã hội mới.
- D. Tập hợp các lực lượng yêu nước, phân hóa, cô lập cao độ kẻ thù tiến tới đánh bại chúng.

Câu 83. Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là gì?

- A. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh báo chí.
- B. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
- C. Đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh ngoại giao.
- D. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh nghị trường.

Câu 84. Sự kiện nào dưới đây đã tạo nên cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương trong năm 1945?

- A. Nhật đảo chính Pháp.
- B. Nhật thất bại nặng nề.
- C. Phát xít Đức đầu hàng Đồng minh.
- D. Quân Pháp âm mưu phản công quân Nhật.

Câu 85. Sau khi vào Đông Dương (9-1940), phát xít Nhật đã làm gì?

- A. Thiết lập bộ máy thống trị của Nhật.
- B. Thay đổi toàn bộ bộ máy thống trị của thực dân Pháp.
- C. Thi hành chính sách thù địch đối với chính quyền Pháp.
- D. Giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vơ vét và đàn áp cách mạng.

Câu 86. Bài học kinh nghiệm quan trọng từ sự chỉ đạo của Đảng góp phần thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

- A. Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.
- B. Tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước rộng rãi.



- C. Nắm bắt tình hình thế giới đề ra chủ trương phù hợp.
D. Kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, chớp thời cơ giành chính quyền.

Câu 166. Hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng để giữ vững thành quả cách mạng 1945 là gì?

- A. Thực hiện nền giáo dục mới và giải quyết nạn đói.
B. Thành lập chính phủ chính thức và thông qua hiến pháp mới.
C. Quyết tâm kháng chiến chống Pháp xâm lược và trừng trị bọn nội phản.
D. Củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng và ra sức xây dựng chế độ mới.

Câu 167. Ngày 23-9-1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử gì dưới đây?

- A. Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam kỳ.
B. Pháp chính thức xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
C. Pháp đánh chiếm một số vị trí quan trọng ở Nam bộ.
D. Pháp tấn công đoàn mít tinh mừng ngày Độc lập ở Sài Gòn.

Câu 168. Để giải quyết nạn đói trước mắt sau Cách mạng tháng Tám, Đảng Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có biện pháp gì dưới đây?

- A. Kêu gọi sự cứu trợ của thế giới. B. Cấm dùng gạo, ngô để nấu rượu.
C. Nhường cơm sẻ áo, hủ gạo cứu đói. D. Tịch thu gạo của người giàu chia cho người nghèo.

Câu 169. Tháng 1-1946 đã diễn ra sự kiện lịch sử gì dưới đây của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà?

- A. Thông qua bản Hiến pháp đầu tiên. B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I.
C. Việt Nam và Pháp kí Hiệp định Sơ bộ. D. Quốc hội đồng ý lưu hành đồng tiền Việt Nam.

Câu 170. Để khắc phục tình trạng khó khăn về tài chính sau cách mạng tháng Tám Đảng, Chính phủ đã có chủ trương gì dưới đây?

- A. “Quỹ độc lập” B. “Ngày đồng tâm”.
C. “Tăng gia sản xuất”. D. “Không một tấc đất bỏ hoang”.

Câu 171. Ngày 8/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh gì dưới đây?

- A. Thành lập Nha Cảnh sát B. Thành lập Nha An Ninh
C. Thành lập Nha Bình dân học vụ D. Thành lập quân đội quốc gia Việt Nam

Câu 172. Nội dung cơ bản của bản Tạm ước Việt – Pháp (14-9-1946) là:

- A. Ngừng bắn ngay ở Nam Bộ. B. Nhượng cho Pháp một số quyền lợi chính trị.
C. Ta nhượng bộ thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế - văn hoá ở Việt Nam.
D. Pháp công nhận Việt Nam có chính phủ tự trị nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

Câu 173. Thuận lợi cơ bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau tháng Tám-1945 ở nước ta là

- A. Nhân dân sẵn sàng bảo vệ thành quả cách mạng. B. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển.
C. Phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở các nước thuộc địa phụ thuộc.
D. Nhân dân ta giành chính quyền, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ.

Câu 174. Để giải quyết nạn đói mang tính chiến lược lâu dài, biện pháp nào dưới đây là cơ bản nhất?

- A. Phát động ngày đồng tâm. B. Kêu gọi sự cứu trợ từ bên ngoài.



C. Chia lại ruộng công cho dân nghèo. D. Tăng gia sản xuất thực hành tiết kiệm.

Câu 175: Lực lượng nào dưới đây đã dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

A. Đế quốc Mỹ. B. Phát xít Nhật. C. Thực dân Anh. D. Quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 176. “Cứ mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa, đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo” là câu nói của ai?

A. Hồ Chí Minh. B. Phạm Văn Đồng.

C. Trường Chinh. D. Tôn Đức Thắng.

Câu 177. Sự kiện chủ yếu nào dưới đây diễn ra trong năm 1946 đã đánh dấu củng cố nền móng cho chế độ mới?

A. Thành lập quân đội Quốc gia. B. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

C. Thành lập Ủy ban hành chính các cấp. D. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước.

Câu 178. Việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chứng tỏ điều gì?

A. sự nhân nhượng của lực lượng cách mạng. B. sự thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.

C. sự thỏa hiệp của Pháp đối với Chính phủ ta. D. Chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng và Chính phủ.

Câu 179. Nội dung nào dưới đây **không** được ghi trong Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946?

A. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.

B. Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập.

C. Việt Nam thuận cho 15 000 quân Pháp ra Bắc thay thế quân Tưởng và rút dần trong 5 năm.

D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

Câu 180. Sách lược của Đảng và Chính phủ đề ra cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ 2-9-1945 đến trước ngày 6-3-1946 là gì?

A. Nhân nhượng với Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp.

B. Hòa với Pháp để đuổi Trung Hoa Dân quốc.

C. Hòa với Pháp và Trung Hoa Dân quốc để chuẩn bị lực lượng.

D. Nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 181. Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây làm cho Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Pháp) không có kết quả?

A. Pháp âm mưu kéo dài thêm chiến tranh xâm lược nước ta. B. Thời gian đàm phán ngắn.

C. Ta chưa nhận được sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế.

D. Pháp quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

Câu 182. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa chủ yếu của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946.

A. Nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

B. Khơi dậy tinh thần yêu nước, làm chủ đất nước của nhân dân.

C. Đưa đất nước thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

D. Giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới.

Câu 183. Đảng và chính phủ đã thực hiện chính sách đối ngoại mềm dẻo sau cách mạng tháng Tám vì lí do nào dưới đây?

A. Kẻ thù còn mạnh, chống phá chính quyền cách mạng.

B. Pháp được sự giúp đỡ và hậu thuẫn của quân Anh.



C. Chính quyền còn non trẻ, không thể đối phó với nhiều kẻ thù.

D. Trung Hoa Dân quốc dùng tay sai để chống phá cách mạng.

Câu 184. Sự kiện nào dưới đây đã buộc chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chuyển từ đánh Pháp sang hòa hoãn nhân nhượng với Pháp?

A. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn.

B. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

C. Vì ta tránh tình trạng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

D. Vì Pháp và Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa-Pháp.

Câu 185. Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí kết với Pháp vì lí do chủ yếu nào dưới đây?

A. Tránh đụng độ với nhiều kẻ thù trong cùng một thời gian.

B. Để nhanh chóng gặt 20 vạn quân Tưởng về nước.

C. Tranh thủ thời gian hoà hoãn để phát triển lực lượng.

D. Có thời gian chuyển các cơ quan đầu não đến nơi an toàn.

Câu 186. Mục đích của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với Pháp bản Tạm ước ngày 14 – 9- 1946 là

A. loại trừ một vạn quân Anh ra khỏi miền Nam.

B. tỏ thiện chí của ta và kéo dài thời gian để xây dựng lực lượng.

C. tạo không khí hòa dịu để tiếp tục đàm phán tại Phôngtennoblô.

D. đuổi 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi miền Nam.

Câu 187. Hiệp ước Hoa-Pháp (28-2-1946) được kí kết đã đặt Việt Nam trước những thách thức nào?

A. Nguy cơ đối đầu với quân Trung Hoa Dân quốc.

B. Buộc phải cầm súng khi Pháp đưa quân ra miền Bắc.

C. Kẻ thù cấu kết với nhau chống phá chính quyền cách mạng.

D. Cùng một lúc phải đối phó với Pháp và Trung Hoa Dân quốc.

Câu 188. Đảng và Chính phủ đã chọn giải pháp "Hoà để tiến" nhằm mục đích gì dưới đây?

A. Xây dựng, củng cố chính quyền mới B. Chuẩn bị cơ sở vật chất xây dựng đất nước.

C. Đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta. D. Kéo dài thời gian hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng.

Câu 189: Mục đích của Đảng, Chính phủ khi kêu gọi đồng bào thực hiện “tuần lễ vàng”, “quỹ độc lập” là gì?

A. Để hỗ trợ giải quyết nạn đói.

B. Quyên góp tiền để xây dựng đất nước.

C. Quyên góp vàng để xây dựng đất nước D. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.

Câu 190. Mục đích của Đảng và Chính phủ khi kí Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), Tạm ước (14-9-1946) là gì?

A. Tập trung vào kẻ thù chính.

B. Tránh cùng lúc đối đầu với nhiều kẻ thù.

C. Có thêm thời gian để xây dựng và củng cố lực lượng.

b. Hạn chế việc Pháp và Trung Hoa Dân quốc cấu kết với nhau.

Câu 191. Bài học chủ yếu nào dưới đây được rút ra từ kết quả của Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946)?

A. Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

B. Đa phương hóa trong quan hệ quốc tế.

C. Kết hợp đấu tranh quân sự với ngoại giao. D. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước.

Câu 192. Chủ trương nhân nhượng một số quyền lợi cho Trung Hoa Dân quốc (từ 9-1945 đến trước 6-3-

1946) của Đảng đã đề lại bài học gì cho cách mạng Việt Nam?

- A. Mở rộng quan hệ quốc tế.
B. Mềm dẻo trong chính sách đối ngoại.
C. Kết hợp đấu tranh kinh tế với chính trị.
D. Kết hợp đấu tranh chính trị với quân sự.

Câu 193. Kết quả của cuộc chiến đấu chống Pháp ở Hà Nội của quân dân ta là

- A. giải phóng được thủ đô Hà Nội.
B. phá hủy nhiều kho tàng của thực dân Pháp.
C. tiêu diệt toàn bộ quân Pháp ở thủ đô Hà Nội.
D. giam chân địch trong thành phố để ta chuẩn bị lực lượng kháng chiến

Câu 194. Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc thu- đông 1947 nhằm mục đích

- A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
B. buộc ta phải đàm phán với những điều khoản có lợi cho chúng.
C. khóa chặt biên giới Việt- Trung chặn nguồn liên lạc của ta với thế giới.
D. giành thắng lợi về quân sự để rút quân về nước.

Câu 195. Lực lượng quân sự nào của ta được thành lập và chiến đấu ở Hà Nội trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến ?

- A. Trung đoàn thủ đô.
B. Việt Nam giải phóng quân.
C. Cứu quốc quân.
D. Dân quân du kích.

Câu 196. Nội dung của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) là

- A. toàn diện, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
B. trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
C. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ ủng hộ quốc tế.
D. tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 197. Theo kế hoạch Rove, thực dân Pháp tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 nhằm mục đích gì?

- A. Ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Bắc với đồng bằng liên khu III, IV.
B. Khóa chặt biên giới Việt-Trung, ngăn chặn sự liên lạc của ta với thế giới.
 C. củng cố vùng chiếm đóng ở biên giới phía Bắc.
 D. Chia cắt chiến trường hai nước Việt Nam và Lào.

Câu 198. Nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta **không** được thể hiện trong văn kiện nào?

- A. Bản chỉ thị toàn dân kháng chiến của ban thường vụ trung ương Đảng.
B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Chí Minh.
C. Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh.
D. Chỉ thị phải “ phá tan cuộc hành quân mùa đông của của giặc Pháp” của Đảng.

Câu 199. Sự kiện trực tiếp nào đưa đến quyết định toàn quốc kháng chiến của Đảng và chính phủ?

- A. Hội nghị Phongtennoblô thất bại.
B. Pháp chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn.
C. Pháp tấn công Nam Bộ và Nam Trung bộ.
D. Pháp gởi tối hậu thư buộc ta giao quyền soát thủ đò.



Câu 200. Chiến thuật của Pháp khi tấn công lên Việt Bắc là

- A. bao vây, triệt đường tiếp tế của ta.
- B. nhảy dù bất ngờ tấn công vào Việt Bắc.
- C. tạo thế 2 gọng kìm và khép lại ở Đài Thị.
- D. tạo 2 gọng kìm từ Thất Khê và Cao Bằng lên.

Câu 201. Âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi chiến thắng nào của ta?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947.
- B. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950.
- C. Chiến cuộc Đông- Xuân 1953-1954.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 202. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

- A. chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta.
- B. cuộc phản công lớn đầu tiên của quân dân ta đã giành thắng lợi.
- C. chứng tỏ khả năng quân dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công của Pháp.
- D. buộc Pháp phải chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang đánh lâu dài với ta.

Câu 203. Ý nghĩa lớn nhất của chiến thắng Biên Giới thu- đông năm 1950 là

- A. chứng tỏ quân đội ta đã trưởng thành.
- B. là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của ta giành thắng lợi.
- C. chứng minh sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.
- D. ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Câu 204. Trong chiến dịch Biên giới thu- đông 1950 trận đánh nào ác liệt và có ý nghĩa nhất?

- A. Trận đánh Đông Khê.
- B. Trận đánh Thất Khê.
- C. Phục kích đánh địch trên đường số 4.
- D. Phục kích địch từ Cao Bằng rút chạy.

Câu 205. Với việc đề ra kế hoạch Rơ-ve vai trò của Mỹ đối với cuộc chiến tranh ở Đông Dương như thế nào?

- A. Không can thiệp vào Đông Dương.
- B. Can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.
- C. Bắt đầu trực tiếp xâm lược vào Đông Dương.
- D. Hắt cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương.

Câu 206. Chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp(1945-1954) là chiến dịch nào?

- A. Chiến dịch Thượng Lào năm 1954.
- B. Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947.
- C. Chiến dịch Biên giới thu- đông 1950.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 207. Vì sao ta đánh Đông Khê để mở màn chiến dịch Biên giới 1950?

- A. Để cắt đứt hệ thống phòng thủ của Pháp
- B. Vì Đông Khê là nơi tập trung quân đông nhất của Pháp.
- C. Vì Đông Khê là vị trí không quan trọng đối với Pháp.



D. Vì quân Pháp không có sự đề phòng ở Đông Khê.

Câu 208. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng 12-1946 đã phát huy đường lối đấu tranh nào sau đây của dân tộc ta?

- A. Chiến tranh nhân dân.
- B. Chiến tranh đánh nhanh thắng nhanh.
- C. Chiến tranh tâm lý.
- D. Chiến tranh tranh thủ sự giúp đỡ hoàn toàn bên ngoài.

Câu 209. Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh, nội dung nào sau đây thể hiện cơ bản nhất tinh thần yêu chuộng hòa bình của nhân dân Việt Nam?

- A. “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng”.
- B. “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, ...”.
- C. “Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc”.
- D. “Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”.

Câu 210. Tinh thần yêu chuộng hòa bình của nhân dân Việt Nam trong lời kêu gọi toàn quốc được Đảng và nhà nước ta phát huy như thế nào trong cuộc đấu tranh chủ quyền biển đảo với Trung Quốc hiện nay?

- A. Đấu tranh hòa bình, trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế.
- B. Nhân nhượng Trung Quốc một số điều khoản.
- C. Đàm phán, chia sẻ với Trung Quốc.
- D. Chấp nhận đổi một phần chủ quyền biển đảo cho một số lợi ích khác.

Câu 211. Hành động của Pháp sau hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946 đã cho ta thấy điều gì?

- A. Pháp chỉ cần một số quyền lợi.
- B. Pháp quyết tâm xâm lược nước ta lần nữa.
- C. Pháp muốn khẳng định thế mạnh ở Đông Dương.
- D. Pháp muốn đàm phán với ta.

Câu 212. Điểm mới của chiến dịch Biên giới thu- đông 1950 so với chiến dịch Việt Bắc

- A. ta chủ động đánh Pháp.
- B. Pháp chủ động đánh ta.
- C. Pháp bị thất bại.
- D. ta thất bại.

Câu 213. Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh diệt viện của ta?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.
- B. Chiến dịch Biên giới thu- đông 1950.
- C. Chiến dịch hòa bình.
- D. Chiến dịch Tây Bắc.

Câu 214. Tính quyết tâm trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện

- A. ...chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!
- B. Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ...
- C. bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ không phân chia tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp.
- D. ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm... ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước...

Câu 215. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo đúng trình tự thời gian:

1. Ta tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê.



2. Quân ta chặn đánh địch làm cho hai cánh quân không gặp được nhau.
3. Quân ta nổ súng đánh vào Đông Khê.
4. Đường số 4 được giải phóng.

A. 1,2,3,4. B. 3,1,2,4. C. 2,3,4,1. D. 4,3,2,1.

Câu 216. Đảng ta đã phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xuất phát từ lí do chủ yếu nào?.

- A. Pháp không thực hiện Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946.
B. Pháp khiêu khích ta ở Hà Nội.
C. Nền độc lập chủ quyền nước ta bị đe dọa nghiêm trọng.
D. Chúng ta muốn hòa bình xây dựng đất nước.

Câu 217. Đầu 1950, việc các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta thể hiện

- A. Vị thế của nước ta được nâng cao trên trường quốc tế.
B. Nước ta muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới.
C. nước ta chỉ đặt quan hệ ngoại giao với các nước Xã hội chủ nghĩa.
D. chỉ các nước Xã hội chủ nghĩa muốn đặt quan hệ ngoại giao với ta.

Câu 218: Kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi năm 1950 được xây dựng dựa trên cơ sở nào dưới đây?

- A. Viện trợ của Mỹ. B. Kinh tế Pháp phát triển.
C. Sự lớn mạnh của nguy quân. D. Kinh nghiệm chỉ huy của Tatxinhi.

Câu 219: Mục tiêu nào dưới đây là cơ bản nhất trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tatxinhi (1950)?

- A. Tiêu diệt nhanh chóng quân chủ lực của ta.
B. Mong muốn kết thúc cuộc chiến ở Đông Dương.
C. Củng cố cho chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương
D. Giữ vững thế chủ động của Pháp trên chiến trường Đông Dương.

Câu 220: Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương (12.1950) vì lý do chủ yếu nào dưới đây?

- A. Muốn từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.
B. Giúp Pháp kéo dài cuộc chiến ở Đông Dương.
C. Mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Mĩ ở Đông Dương.
D. Tăng cường sức mạnh cho mình ở Đông Dương.

Câu 221. Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ (9.1951) vì lí do chủ yếu nào dưới đây?

- A. Củng cố chính quyền Bảo Đại. B. Can thiệp vào Đông Dương về kinh tế.
C. Ràng buộc Chính phủ Bảo Đại vào Mĩ. D. Củng cố vị thế của Mĩ ở Đông Dương.

Câu 222. Đại hội đại biểu toàn quốc lần II (2-1951) quyết định thành lập ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một Đảng riêng vì lí do chủ yếu nào dưới đây?

- A. Đề phù hợp với đặc điểm phát triển của mỗi nước.
B. Để tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng.
C. Để phù hợp với xu hướng phát triển của cách mạng.
D. Để nhanh chóng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Câu 223. Lí do nào dưới đây chính phủ ta quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất (1953)?



- A. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất trong nông nghiệp.
- B. Để bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân.
- C. Nhanh chóng khôi phục lại nông nghiệp.
- D. Đáp ứng nhu cầu lương thực phục vụ cho chiến trường.

Câu 224. Mục đích chính của Pháp của việc tăng cường bình định vùng tạm chiếm trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) là gì?

- A. Vơ vét sức người sức của phục vụ cho chiến tranh.
- B. Hạn chế sự chi viện của nhân dân cho lực lượng kháng chiến.
- C. Làm lung lay tinh thần chiến đấu của nhân dân ta.
- D. Tăng cường kiểm soát nhân ta trong vùng tạm chiếm.

Câu 225. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) được thực hiện đã tác động gì đến cuộc kháng chiến chống Pháp của ta?

- A. Gặp khó khăn trong việc tổ chức xây dựng lực lượng kháng chiến.
- B. Làm cho cuộc kháng chiến trở nên khó khăn, phức tạp.
- C. Hạn chế sự chi viện từ các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Thu hẹp vùng tự do, vùng giải phóng của ta

Câu 226. Sự kiện nào dưới đây có ý nghĩa góp phần quyết định đưa cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) đến thắng lợi?

- A. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đại hội chiến sĩ thu đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần 1.
- C. Thành lập Mặt trận Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào.
- D. Thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

Câu 227. Nguyên nhân chủ yếu đưa đến việc thành lập “Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào” (3-1951) là gì?

- A. Thuận lợi trong việc tổ chức kháng chiến của ba nước Đông Dương.
- B. Tăng cường khối đoàn kết nhân dân ba nước chống Pháp.
- C. Cùng cố lực lượng cách mạng ba nước Đông Dương.
- D. Chống lại chính sách chia rẽ của Pháp.

Câu 228. Mục tiêu cốt lõi của công cuộc cải cách giáo dục năm 1950 là gì?

- A. Thực hiện khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”.
- B. Phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.
- C. Đẩy lùi nạn thất học, mù chữ trong nhân dân.
- D. Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng.

Câu 229. Sự kiện nào sau đây thể hiện liên minh đoàn kết chiến đấu của ba nước Đông Dương trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

- A. Thành lập Mặt trận Liên Việt.
- B. Thành lập Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào.
- C. Thành lập Liên minh chiến đấu Việt-Miên-Lào.
- D. Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.

Câu 230. Điểm khác nhau về bối cảnh Pháp thực hiện kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi năm 1950 so với kế hoạch Rove năm 1949 là gì?



A. Thực hiện trong thế bị động.
Dương.

B. Nhân dân Pháp phản đối cuộc chiến tranh Đông

C. Pháp đang giành thế chủ động trên chiến trường. D. Mĩ can thiệp sâu vào Đông Dương.

Câu 231. Một quyết định khác biệt của Đại hội đại biểu lần thứ II (2.1951) của Đảng Cộng sản Đông Dương so với Đại hội đại biểu lần thứ I (3.1935) là

A. đưa Đảng ra hoạt động công khai.

B. thông qua các báo cáo chính trị quan trọng.

C. thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ của Đảng.

D. bầu Ban Chấp hành Trung Ương Đảng và Bộ Chính trị.

Câu 232. Nội dung nào dưới đây là ý nghĩa chủ yếu của Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất (5-1952)?

A. Tuyên dương thành tích của các anh hùng có công với nước.

B. Đoàn kết, khích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân.

C. Lôi cuốn nhiều ngành, nhiều giới tham gia.

D. Đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

Câu 234. Nội dung nào dưới đây thể hiện điểm hạn chế của kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhhi (1950)?

A. Vừa tập trung lực lượng vừa phát triển đội quân nông cốt.

B. Phân tán lực lượng và chiếm các vị trí quan trọng.

C. Vừa củng cố vừa mở rộng lực lượng.

D. Vừa tập trung vừa phân tán lực lượng.

Câu 235: Từ việc thành lập Mặt trận Liên Việt (3-1951) Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì về xây dựng mặt trận hiện nay?

A. Xây dựng khối liên minh công-nông.

B. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc.

C. Đoàn kết các tôn giáo.

D. Đoàn kết các dân tộc.

Câu 236. Bước vào Đông Xuân 1953 – 1954, âm mưu của Pháp – Mĩ là

A. giành một thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

B. giành lấy một thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

C. giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. giành thắng lợi quân sự để nâng cao vị thế của nước Pháp trên thế giới.

Câu 237. Từ thu – đông 1953, Nava tập trung quân ở khu vực nào?

A. Đồng bằng Bắc Bộ.

B. Tây Bắc.

C. Thượng Lào.

D. Bắc Trung Bộ.

Câu 238. Tình hình thực dân Pháp sau 8 năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam như thế nào?

A. Bước đầu gặp những khó khăn về tài chính.

B. Vùng chiếm đóng ngày càng mở rộng.

C. Thiệt hại ngày càng lớn, lâm vào thế bị động về chiến lược.

D. Hành lang Đông – Tây bị chọc thủng.

Câu 239. Nội dung chủ yếu trong bước thứ nhất của kế hoạch Nava là gì?

A. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.

B. Tấn công chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

C. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam.



D. Phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

Câu 240. Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong đông - xuân 1953 - 1954?

- A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng, kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- B. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.
- C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán, kết thúc chiến tranh.
- D. **Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong đông - xuân 1953-1954, buộc Pháp phải đàm phán kết thúc chiến tranh.**

Câu 241. Nội dung nào không phải là ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ?

- A. Đập tan kế hoạch Nava và mọi ý đồ của Pháp - Mỹ.
- B. Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
- C. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương.
- D. **Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước.**

Câu 242. Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp (1945 - 1954) được kết thúc bằng sự kiện nào?

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- B. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.
- C. **Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết (21 - 7 - 1954).**
- D. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.

Câu 243. Thắng lợi nào dưới đây đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp?

- A. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.
- B. **Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954.**
- C. Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết.
- D. Chiến thắng Bắc Tây Nguyên tháng 2 - 1954.

Câu 244. Nava xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, gồm

- A. 2 phân khu, 48 cứ điểm.
- B. 3 phân khu, 49 cứ điểm.
- C. 4 phân khu, 50 cứ điểm.
- D. 5 phân khu, 47 cứ điểm.

Câu 15. Thắng lợi quân sự nào đã làm cho kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản?

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).
- B. **Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân (1953-1954).**
- C. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông (1947).
- D. Chiến dịch Biên Giới thu - đông (1950).

Câu 17. Theo nội dung của Hiệp định Giơnevơ thì quốc gia nào không có vùng tập kết.

- A. Việt Nam.
- B. **Campuchia.**
- C. Lào.
- D. Việt Nam và Campuchia.

Câu 245. Hiệp định Ginevơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền gì cho các nước Đông Dương?

- A. Quyền được hưởng độc lập, tự do.
- B. **Các quyền dân tộc cơ bản.**
- C. Quyền tổ chức Tổng tuyển cử tự do.
- D. Quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời.

Câu 246. Tại sao Pháp lại chấp nhận đàm phán với ta ở Hội nghị Giơnevơ?

- A. Do sức ép của Liên Xô.
- B. Pháp sợ Trung Quốc đưa quân sang.
- C. **Pháp bị thất bại ở Điện Biên Phủ.**
- D. Dư luận nhân dân thế giới phản đối.



Câu 247. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) là

- A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- B. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.
- C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.
- D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 248. Nội dung quan trọng nhất của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

- A. các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.
- B. các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
- C. hiệp định cấm đưa quân đội và vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương.
- D. các nước tham dự cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

Câu 249. Lí do chủ yếu trong việc Pháp cử Nava sang Đông Dương là gì?

- A. Vì Pháp bị thiệt hại nặng, vùng chiếm đóng bị thu hẹp.
- B. Vì chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) đã kết thúc.
- C. Vì nhân dân Pháp ngày càng phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. Vì Nava được Mĩ chấp nhận.

Câu 250: Hạn chế của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương đối với Việt Nam là

- A. chưa giải phóng được vùng nào ở nước ta.
- B. mới giải phóng được miền Bắc.
- C. chỉ giải phóng được miền Nam.
- D. chỉ giải phóng được vùng Tây Bắc.

Câu 251. Chiến thắng nào sau đây có ý nghĩa làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương (1945 – 1954)

- A. Chiến thắng Việt Bắc (1947).
- B. Chiến thắng Biên Giới (1950).
- C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).
- D. Chiến thắng Hòa Bình (1951 – 1952).

Câu 252. Điểm chung trong kế hoạch Rơve năm 1949, kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xinhi năm 1950 và kế hoạch Nava năm 1953 là

- A. kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- B. bảo vệ chính quyền Bảo Đại do Pháp lập ra.
- C. muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh.
- D. phô trương thanh thế, tiềm lực, sức mạnh.

Câu 253: Cho các sự kiện:

- 1) Quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.
- 2) Hiệp định Giơnevơ được ký kết.
- 3) Chính phủ Pháp cử tướng Nava sang làm Tổng chỉ huy quân đội ở Đông Dương.
- 4) Liên quân Lào – Việt tiến công địch ở Trung Lào, uy hiếp Xavanakhet và căn cứ Xê nô.

Hãy sắp xếp các sự kiện đúng theo thứ tự thời gian

- A. 3,4,1,2
- B. 1,2,3,4
- C. 2,1,4,3
- D. 4,2,3,1

Câu 254. Thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam đã tác động như thế nào đến các nước ở châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh?

- A. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào hòa bình.



C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào dân chủ.

D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào không liên kết.

Câu 256. Ngày 8 - 5 - 1954, phái đoàn Chính phủ ta do Phó thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu bước vào tham dự Hội nghị Giơnevơ với tư cách nào?

A. đại diện cho một dân tộc chiến thắng.

B. đại diện cho ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia.

C. đại diện cho các lực lượng yêu chuộng hòa bình.

D. đại diện cho các nước thuộc địa của thực dân Pháp.

Câu 257. Ngày 17-1-1960 tại Bến Tre nổ ra phong trào đấu tranh nào ?

A. Chống bình định.

B. Phá ấp chiến lược.

C. Đồng khởi.

D. Trừ gian diệt ác.

Câu 258 . Chiến thắng Bình Giã (2-12-1964) là thắng lợi của quân dân miền Nam chống chiến lược chiến tranh nào của Mĩ ?

A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

B. Chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Chiến lược “chiến tranh đơn phương”.

Câu 259. Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ tiến hành ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Dùng người Việt đánh người Việt.

B. Tiêu diệt lực lượng của ta.

C. Kết thúc chiến tranh.

D. Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Câu 260. Một trong những sai lầm của cuộc cải cách ruộng đất (1954-1957) ở miền Bắc là

A. qui nhằm cán bộ đảng viên thành địa chủ.

B. phát động quần chúng cải cách ruộng đất.

C. thực hiện người cày có ruộng, giảm tô, giảm thuế.

D. đấu tố tràn lan qui nhằm thành phần địa chủ.

Câu 261. Sau thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” ở miền Nam Việt Nam, Mĩ chuyển sang chiến lược chiến tranh nào?

A. “Chiến tranh đặc biệt”.

B. “Chiến tranh đơn phương”.

C. “Chiến tranh Cục bộ”.

D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 262. Ngày 16-05-1955 lực lượng nào rút khỏi miền Bắc nước ta?

A. Quân Anh.

B. Quân Pháp.

C. Quân Trung hoa dân quốc.

D. Quân Nhật Bản.

Câu 263. Thắng lợi nào dưới đây chứng tỏ quân dân miền Nam có khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ?

A. Chiến thắng Bình Giã.

B. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng Vạn Tường.

D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 264. Nội dung nào dưới đây **không** phải ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi” (1959-1960)?

A. Buộc Mĩ phải rút quân về nước.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.

C. Cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

D. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.

Câu 265. Hội nghị nào của Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 đã có quyết định gì?

A. Để nhân dân miền Nam đấu tranh bằng con đường chính trị.

B. Để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực giành chính quyền.

C. Để nhân dân miền Nam đấu tranh bằng con đường vũ trang.

D. Để nhân dân miền Nam đấu tranh bằng con đường ngoại giao.



Câu 266. Chiến thắng nào của quân và dân ta đánh dấu sự phá sản cơ bản của “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mỹ?

- A. Ba Gia. B. An Lão. C. Ấp Bắc. D. Bình Giã.

Câu 267. Âm mưu của Mỹ đối với miền Nam Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ 1954 là

- A. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.
B. biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hoá của Mỹ.
C. bừa quân đội Mỹ vào miền Nam.
D. phá hoại các cơ sở kinh tế của ta.

Câu 268. Điều khoản nào trong Hiệp định Giơnevơ 1954 khi quân Pháp rút khỏi nước ta mà chưa thực hiện?

- A. Để lại quân đội ở miền Nam. B. Để lại cổ vũ quân sự khoác áo dân sự.
C. Phá hoại các cơ sở kinh tế của ta. D. Cuộc hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc.

Câu 269. Kết quả của phong trào “Đồng khởi” là gì?

- A. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch.
B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển.
C. Ủy ban nhân dân tự quản tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.
D. Sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).

Câu 270. Hình thức đấu tranh nào của quân và dân ta chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam Việt Nam?

- A. Đấu tranh ngoại giao. B. Đấu tranh vũ trang
C. Đấu tranh chính trị. D. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang

Câu 271. Chính sách nào của Mỹ- Diệm tác động gây khó khăn với cuộc cách mạng miền Nam Việt Nam từ 1954-1959?

- A. Phê truất Bảo Đại đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống.
B. Gạt hết quân Pháp để độc chiếm miền Nam.
C. Đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, ra “luật 10 – 59”, công khai chém giết.
D. Thực hiện chính sách “đả thực”, “bài phong”, “diệt cộng”.

Câu 272. Quyết định của Hội Nghị ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ 15(1-1959) tác động như thế nào với cách mạng miền Nam Việt Nam?

- A. Phong trào chỉ nổ ra ở Bến Tre.
B. Phong trào nổ ra lẻ tẻ từng địa phương.
C. Phong trào nổ ra ở nhiều nơi.
D. Phong trào cách mạng miền Nam Việt Nam lan rộng trở thành cao trào.

Câu 273. Sự kiện nào của quân và dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) đánh dấu cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- A. chiến thắng Bình Giã.
B. chiến thắng Ấp Bắc.
C. phong trào Đồng khởi.
D. chiến thắng Vạn Tường.

Câu 274. Trong giai đoạn 1954-1975 Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách



thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

- A. có vai trò cơ bản nhất.
- B. có vai trò quan trọng nhất.
- C. có vai trò quyết định nhất.
- D. có vai trò quyết định trực tiếp.

Câu 275. Nội dung nào dưới đây là điểm giống nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam 1961-1965 và chiến lược “Chiến tranh cục bộ” 1965-1968

- A. tiến hành bằng lực lượng quân Mỹ.
- B. tấn công quân giải phóng ở Vạn Tường Quảng Ngãi.
- C. biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.
- D. mở các cuộc hành quân “tìm diệt” “bình định” ở miền Nam.

Câu 276. Âm mưu dùng người Việt đánh người Việt trong chiến lược chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam thể hiện âm mưu nào của Mỹ?

- A. Giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường.
- B. Tận dụng xương máu của người Việt.
- C. Quân Mỹ và quân Đồng minh rút dần khỏi chiến tranh.
- D. Tăng sức chiến đấu của quân đội Sài Gòn.

Câu 277. “Áp chiến lược” được coi là “xương sống” của chiến lược chiến tranh nào Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam từ 1961-1973

- A. chiến tranh đặc biệt.
- B. chiến tranh Cục bộ.
- C. Việt Nam hóa chiến tranh.
- D. Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 278. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi”(1959-1960) ở miền Nam Việt Nam?

- A. Làm phá sản chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ.
- B. Giáng một đòn mạnh vào chính sách thực dân mới của Mỹ.
- C. Đưa CM miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- D. Sự ra đời của mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960).

Câu 279. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) ở miền Nam Việt Nam thuộc học thuyết nào của Mỹ trong chiến lược toàn cầu?

- A. Phản ứng linh hoạt.
- B. Ngăn đe thực tế.
- C. Chính sách thực lực.
- D. Bên miệng hố chiến tranh.

Câu 280. Một trong những bài học kinh nghiệm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III (9-1960) để lại cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay là?

- A. Tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, ưu tiên công nghiệp nặng.
- B. Tiến nhanh tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội.
- C. Xây dựng nền kinh tế chủ nghĩa xã hội hiện đại
- D. Tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa phù hợp thực tế điều kiện đất nước.

Câu 281. Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành trung ương (1-1959) đã để lại bài học kinh nghiệm nào cho Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

- A. Sử dụng con đường đấu tranh ngoại giao giành chính quyền.
- B. Sử dụng bạo lực cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân.



C. Sử dụng con đường đấu tranh vũ trang giành chính quyền.

D. Sử dụng con đường đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

Câu 282. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960) có vai trò nào dưới đây trong cuộc kháng chiến chống Mỹ?

A. Lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh.

B. Xây dựng lực lượng cách mạng miền Nam.

C. Giữ gìn lực lượng cách mạng chuẩn bị phản công.

D. Đoàn kết toàn dân chống đế quốc và chính quyền tay sai.

Câu 283. Điểm khác nhau cơ bản về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9-1960) với Đại hội đại biểu lần thứ VI (12-1986) là?

A. Tiến hành công nghiệp xã hội chủ nghĩa.

B. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

C. Tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

D. Tiến hành xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại.

Câu 284. Ý nghĩa giống nhau cơ bản giữa chiến thắng trận Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2-1-1963 và chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) ngày 18-8-1965.

A. hai chiến thắng trên đều chống một loại hình chiến tranh của Mĩ

B. đều chứng minh khả năng quân dân miền Nam có thể đánh bại các chiến lược chiến tranh mới của Mĩ.

C. đều chứng tỏ tinh thần kiên cường bất khuất của nhân dân miền Nam Việt Nam chống Mĩ cứu nước.

D. đều thể hiện sức mạnh vũ khí của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ cho cách mạng Việt nam.

Câu 285. Nội dung nào dưới đây là một trong những ưu điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9-1960)?

A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

B. Đề ra nhiệm vụ chiến lược cả nước và cách mạng từng miền.

C. Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

D. Xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Câu 286. Ngày 7-2-1965 gắn với sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Mĩ dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc bộ“, bắn phá một số nơi ở miền Bắc.

B. Mĩ chính thức tiến hành cuộc chiến phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

C. Quân giải phóng miền Nam tấn công doanh trại Mĩ ở Pleiku.

D. Mĩ triển khai chiến lược Chiến tranh cục bộ ở miền Nam.

Câu 287. Các cuộc hành quân chủ yếu trong mùa khô 1965-1966 của quân Mĩ và quân Sài Gòn nhằm vào hai hướng chính là

A. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ và Liên Khu V.

C. Đông Nam bộ và Nam Trung bộ.

D. Đông Nam bộ và Tây Nam bộ.

Câu 288. “Chiến tranh cục bộ “ bắt đầu từ giữa năm 1965 là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng

A. quân Mĩ , quân một số nước đồng minh của Mĩ.

B. quân Mĩ , đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn.

C. quân đội Mĩ và quân đội Sài Gòn.



D. quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

Câu 289. Chiến thắng nào của ta mở đầu cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lòng nguy mà diệt” trên khắp miền Nam?

- A. Ấp Bắc. B. Vạn Tường. C. Bình Giả. D. Đồng Xoài.

Câu 290. Phạm vi thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ là

- A. Miền Nam. B. Cả nước. C. Miền Bắc. D. Đông Dương.

Câu 291. Mục tiêu của Mỹ trong các cuộc phản công chiến lược hai mùa khô (1965 -1966 và 1966 – 1967) là gì?

- A. Đánh bại chủ lực Quân giải phóng. B. Bình định miền Nam.
C. Đánh phá đất thánh Việt Cộng. D. Tiêu hao lực lượng của ta.

Câu 292. Thắng lợi quân sự nào được coi là “Ấp Bắc” đối với quân Mỹ ?

- A. Bình Giả. B. Núi Thành. C. Vạn Tường. D. Đồng Xoài.

Câu 293. Sau thắng lợi nào của ta Mỹ chấp nhận đến đàm phán ở Pari để bàn về việc chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam?

- A. Vạn Tường (Quảng Ngãi). B. Hai mùa khô (1965 – 1966) và (1966 – 1967).
C. Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968. D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

Câu 294. Chiến thắng Vạn Tường được xem là sự kiện mở đầu cao trào

- A. “Tìm Mỹ mà đánh - lòng nguy mà diệt”. B. “Noi gương Vạn Tường, giết giặc lập công”.
C. “Tìm Mỹ mà diệt–lòng nguy mà đánh”. D. “Lòng Mỹ mà đánh – tìm nguy mà diệt”.

Câu 295. Nội dung nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của cuộc tổng tiến công Xuân Mậu Thân 1968?

- A. Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ. B. Mỹ tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh.
C. Chấm dứt phá hoại Miền Bắc. D. Buộc Mỹ ký hiệp định Pari.

Câu 296. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18-8-1968, chứng tỏ điều gì?

- A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đánh bại quân viễn chinh Mỹ.
B. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.
C. Quân viễn chinh Mỹ đã mất khả năng chiến đấu.
D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

Câu 297. Sự chi viện cùng với thắng lợi của quân dân miền Bắc trong những năm 1965 - 1968 đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược chiến tranh nào của Mỹ?

- A. Chiến tranh đơn phương. B. Chiến tranh đặc biệt.
C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hoá chiến tranh.

Câu 298. Từ năm 1965 đến năm 1968 , nhân dân miền Bắc phải thực hiện những nhiệm vụ gì?

- A. Vừa sản xuất vừa làm nghĩa vụ hậu phương, chi viện cho miền Nam.
B. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ.
C. Vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại , vừa sản xuất làm nghĩa vụ hậu phương.
D. Nhận viện trợ từ bên ngoài để chi viện cho chiến trường miền Nam.

Câu 299. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) , thắng lợi nào của ta buộc Mỹ phải tuyên bố “Phi Mỹ hóa” tranh (thừa nhận sự thất bại của chiến tranh cục bộ)?

- A. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi). B. Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho).
C. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân (1968). D. Cuộc tiến công chiến lược 1972.



Câu 300. Ý nào dưới đây **không** phải là âm mưu của Mỹ trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất?

- A. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- B. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.
- C. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mỹ của nhân dân ta.
- D. Giành thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

Câu 301. Lực lượng nào giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng nhanh về số lượng trong chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965-1968)?

- A. Quân đội tay sai Sài Gòn.
- B. Cố vấn Mỹ.
- C. Đồng minh Mỹ.
- D. Quân Mỹ.

Câu 302. Thắng lợi nào đánh dấu sự phá sản chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965-1968) của Mỹ ở Việt Nam?

- A. Núi Thành (Quảng Nam).
- B. Vạn Tường 18-8-1965.
- C. Chiến thắng Mậu Thân 1968.
- D. Thắng lợi trong hai mùa khô.

Câu 303. Điểm khác biệt lớn nhất về âm mưu, thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là gì?

- A. Sử dụng các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.
- B. Sử dụng quân đội Mỹ, quân Đồng minh và đánh phá miền Bắc.
- C. Huy động lực lượng lớn quân Đồng minh của Mỹ tham gia.
- D. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

Câu 304. Ý nghĩa lớn nhất cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Mậu thân 1968 là

- A. buộc Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- B. buộc Mỹ ngồi vào bàn đàm phán với ta tại hội nghị Pa ri.
- C. buộc Mỹ tuyên bố phi Mỹ hóa chiến tranh xâm lược.
- D. mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến.

Câu 305. Điểm khác nhau cơ bản giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Chiến tranh đặc biệt” là

- A. lực lượng quân đội Sài Gòn giữ vai trò quan trọng.
- B. lực lượng quân đội Mỹ giữ vai trò quan trọng.
- C. sử dụng trang thiết bị, vũ khí của Mỹ.
- D. lực lượng quân Đồng minh giữ vai trò quan trọng.

Câu 306. Ý nào **không** phản ánh đúng âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam là

- A. nhanh chóng tạo ra ưu thế mới về binh lực và hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta bằng chiến lược quân sự mới “tìm diệt”.
- B. cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, buộc ta phải phân tán nhỏ, hoặc rút về biên giới.
- C. mở những cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ của Quân giải phóng, các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào vùng “đất thánh Việt cộng”.
- D. dồn dân lập “ấp chiến lược” coi đây là “xương sống” của chiến lược.

Câu 307. Ý nào dưới đây thể hiện sự khác nhau trong âm mưu của Mỹ giữa cuộc Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất và lần thứ hai:

- A. Ngăn chặn sự chi viện từ ngoài vào miền Bắc, miền Bắc vào miền Nam.



B. Giành thắng lợi quyết định, buộc ta ký hiệp định có lợi cho Mỹ.

C. Uy hiếp tinh thần của nhân dân ta ở hai miền Nam – Bắc.

D. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của nhân dân miền Bắc.

Câu 308. Nội dung nào dưới đây là điểm giống nhau của ba loại hình chiến lược (Chiến tranh đặc biệt, Chiến tranh cục bộ, Việt Nam hóa chiến tranh) của Mỹ ở Việt Nam?

A. Sử dụng quân Mỹ và đồng minh của Mỹ, với sự viện trợ quân sự cho quân đội Sài Gòn.

B. Có cố vấn Mỹ chỉ huy, tranh thủ ngoại giao với Liên Xô, Trung Quốc để cô lập ta.

C. Quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

D. Sử dụng quân đội Sài Gòn, do Mỹ chỉ huy, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ.

Câu 309. Điểm mới của “chiến tranh cục bộ” so với “chiến tranh đặc biệt” như thế nào?

A. Có sự tham gia của quân đội Mỹ và quân đồng minh Mỹ.

B. Sự tham gia quân đội Sài Gòn với viện trợ Mỹ.

C. Phạm vi chiến tranh lan rộng khắp Đông Dương.

D. Mức độ chiến tranh ngang nhau, chưa ác liệt.

Câu 310: Trong cuộc phản công chiến lược 1972, ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến nào của địch?

A. Quảng Trị, Tây Nguyên, Phước Long.

B. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam bộ.

C. Quảng Trị, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung bộ.

D. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Câu 311: Sự kiện nào buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam?

A. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

B. Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968.

C. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

D. Chiến thắng trong cuộc phản công chiến lược 1966 – 1967.

Câu 312: Sự kiện nào đã “đánh cho Mỹ cút”?

A. Thắng lợi của “chiến dịch Điện Biên Phủ trên không” 1972

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh 30/4/1975

D. Hiệp định Pari 1973

Câu 313: Ngày 6/6/1969 gắn với sự kiện lịch sử nào của dân tộc ta?

A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đến Hội nghị Pa-ri.

B. Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời.

C. Mỹ mở rộng tấn công phá hoại miền Bắc lần 2.

D. Hội nghị cao cấp ba nước Đông Dương.

Câu 314: Rút dần quân Mỹ và quân đồng minh Mỹ về nước, nhằm tận dụng xương máu của người Việt, đó là âm mưu, thủ đoạn của

A. chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

B. chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

C. chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh”.

D. chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 315. Ngày 18 – 3 – 1970, xảy ra sự kiện nào dưới đây?

A. Mỹ chấp nhận kí Hiệp định Pari.

B. Chính phủ Xi-hanúc ở Campuchia bị lật đổ.



C. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

D. Ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị.

Câu 316. Mục đích chủ yếu nào của Mĩ khi cho máy bay tập kích Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm?

A. Cứu nguy cho chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

B. Đánh phá miền Bắc, không cho tiếp tế cho miền Nam.

C. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chiến đấu của ta.

D. Giành thắng lợi quyết định, buộc ta kí hiệp định có lợi cho Mĩ.

Câu 317. Vị tổng thống nào của Mĩ đã phát động Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2?

A. Tổng thống Níchxơn.

B. Tổng thống Truman.

C. Tổng thống Kennedy.

D. Tổng thống Aixenhao.

Câu 318. Khối lượng vật chất mà miền Nam chi viện cho các chiến trường trong năm 1972 là

A. tăng gấp 1,7 lần so với 1971.

B. tăng gấp 1,6 lần so với 1971.

C. tăng gấp 1,7 lần so với 3 năm trước.

D. tăng gấp 1,6 lần so với 3 năm trước.

Câu 319. Ngày 27 – 1 -1973, đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Mĩ kí hiệp định Pari.

B. Hội nghị Pari bắt đầu.

C. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

D. Mĩ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2.

Câu 320. Ngày 13 – 5 – 1968, diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Cuộc đàm phán chính thức giữa 2 bên diễn ra tại Pari.

B. Cuộc đàm phán chính thức giữa 3 bên diễn ra tại Pari.

C. Cuộc đàm phán chính thức giữa 4 bên diễn ra tại Pari.

D. Cuộc đàm phán chính thức giữa 5 bên diễn ra tại Pari.

Câu 321. Cuộc tập kích bằng không quân chiến lược của Mĩ trong 12 ngày đêm của Mĩ ở miền Bắc diễn ra vào thời gian nào?

A. Từ 12/8/1972 đến 29/12/1972.

B. Từ 18/12/1972 đến 20/12/1972.

C. Từ 20/12/1972 đến 29/12/1972.

D. Từ 18/12/1972 đến 29/12/1972.

Câu 322: Thắng lợi nào buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari?

A. Trận “Điện Biên Phủ trên không”.

B. Cuộc tiến công chiến lược 1972.

C. Đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của Mĩ, Ngụy.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Câu 323. Tại sao Mĩ phải chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”?

A. Chiến tranh cục bộ bị phá sản.

B. Chiến tranh đặc biệt bị phá sản.

C. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị sụp đổ.

D. Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai bị đánh bại.

Câu 324. Vì sao Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại lần 2.

B. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc lần 1.

C. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích chiến lược của ta vào Tết Mậu Thân 1968.

D. Bị thua đau trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

Câu 325. Kết quả nào dưới đây **không** phải là của trận “Điện Biên Phủ trên không”?



- A. Buộc Mỹ chấp nhận kí hiệp định Pari.
- B. Mỹ chấm dứt Chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- C. Đánh bại cuộc tập kích bằng máy bay B52 của Mỹ.
- D. Mỹ tăng cường lực lượng Mỹ cho chiến trường miền Nam.

Câu 326. Mỹ thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương” trong chiến lược nào dưới đây ?

- A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.
- B. Chiến lược “chiến tranh tranh cục bộ”.
- C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- D. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 327. Thắng lợi chung của ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia trên mặt trận ngoại giao trong chiến đấu chống ‘Việt Nam hóa chiến tranh’, “Đông Dương hóa chiến tranh”?

- A. Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.
- B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.
- C. Mỹ phải rút hết quân về nước.
- D. Hiệp định Pari được kí kết.

Câu 328. Mỹ dùng thủ đoạn ngoại giao nào dưới đây để hạn chế sự giúp đỡ của các nước đối với cuộc kháng chiến của ta?

- A. Thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.
- B. Liên kết chặt chẽ với các nước Tây Âu.
- C. Kêu gọi Liên Hợp Quốc ủng hộ Mỹ.
- D. Thành lập khối SEATO.

Câu 329. Ngày 18 – 12- 1972, diễn ra sự kiện nào dưới đây?

- A. Mỹ kí Hiệp định Pari.
- B. Mỹ mở cuộc tập kích vào Hà Nội, Hải Phòng.
- C. Ta mở cuộc tiến công chiến lược Năm 1972.
- D. Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại Miền Bắc.

Câu 330. Thắng lợi chung của Việt Nam – Lào trên mặt trận quân sự trong chiến đấu chống ‘Việt Nam hóa chiến tranh’, “Đông Dương hóa chiến tranh”?

- A. Đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của Mỹ – Ngụy.
- B. Đập tan âm mưu chia cắt Đông Dương của Mỹ.
- C. Làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”.
- D. Mỹ kí Hiệp định Pari.

Câu 331. Nhân dân ta chống lại chiến tranh xâm lược toàn diện được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương, đó là loại hình chiến tranh nào?

- A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”
- B. Chiến lược “chiến tranh tranh cục bộ”.
- C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- D. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.

Câu 332. Được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao khi mới ra đời. Đó là

- A. chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- B. chính phủ nước Cộng Hòa xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam.
- C. chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.
- D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 334. “Việt Nam hóa chiến tranh” được tiến hành bằng lực lượng nào là chủ yếu?

- A. Quân đội Mỹ.
- B. Quân đội Sài Gòn.
- C. Quân đội các nước đồng minh Mỹ.
- D. Quân đội các nước Đông Dương.

Câu 335. Quân Mỹ rút dần khỏi chiến trường miền Nam trong chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh là vì lí do nào dưới đây?



- A. Giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường Việt Nam. B. Quân Ngụy đủ sức chống cách mạng.
C. Mỹ thấy quá tốn kém về người và của. D. Mỹ muốn kết thúc chiến tranh.
- Câu 336. Trong những năm 1969 – 1973, phong trào nào dưới đây đã thu hút đông đảo giới trẻ tham gia?
A. Phong trào học sinh, sinh viên. B. Phong trào sinh viên, công nhân.
C. Phong trào tư sản, học sinh. D. Phong trào công nhân, tiểu tư sản.
- Câu 337. Tính đến đầu năm 1971 cách mạng đã giành quyền làm chủ thêm được bao nhiêu ấp, bao nhiêu dân?
A. Thêm 3600 ấp với 3 triệu dân. B. Thêm 2200 ấp với 3 triệu dân.
C. Thêm 3600 ấp với 2,5 triệu dân. D. Thêm 2200 ấp với 2,5 triệu dân.
- Câu 338. Nội dung nào dưới đây không thuộc Hiệp định Pari 1973?
A. Miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.
B. Hoa Kỳ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
C. Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
D. Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
- Câu 339. Ý nghĩa nào dưới đây **không** phải là ý nghĩa của Hiệp định Pari?
A. Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao.
B. Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược.
C. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
D. Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất.
- Câu 340. “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta”.
Nội dung trên được trích dẫn từ tư liệu nào dưới đây?
A. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
B. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng.
C. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.
D. Thư Chúc tết năm 1968 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Câu 341. Chiến thắng “Lam Sơn – 719” trong đấu tranh chống chiến lược “Việt Nam hóa”, “Đông Dương hóa” chiến tranh là thắng lợi chung của những nước nào dưới đây?
A. Việt Nam – Lào. B. Việt Nam – Campuchia.
C. Campu chia – Lào. D. Việt Nam – Lào – Campuchia.
- Câu 342. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, sau đòn bất ngờ của quân ta, quân đội Sài Gòn có sự yểm trợ của Mỹ mở cuộc phản công đã gây ra cho ta những khó khăn nào dưới đây?
A. Bị đánh bật ra khỏi các thành phố. B. Bị đẩy lùi về thế phòng ngự.
C. Bị đẩy bật ra tới biên giới. D. Bị đẩy ra khỏi các phòng tuyến quan trọng.
- Câu 343. Đế quốc Mỹ đã dùng thủ đoạn nào dưới đây để phá vỡ liên minh đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Việt Nam – Lào – Campu chia?
A. Đảo chính lật đổ Chính phủ N. Xi-han-út. B. Viện trợ cho Chính phủ N. Xi-han-út.
C. Hợp tác với quân dân Lào. D. Sử dụng quân Campuchia tấn công Lào.
- Câu 344. Cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” của 4,5 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn nhằm mục đích nào dưới đây?
A. Cắt đôi chiến trường Đông Dương. B. Cắt đôi chiến trường Việt Nam.



C. Cắt đôi chiến trường miền Nam.

D. Cắt đôi chiến trường Lào.

Câu 345. Một trong những điểm mới về thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” so với “Chiến tranh cục bộ” là gì?

A. Dùng người Việt đánh người Việt.

B. Trực tiếp đưa quân viễn chinh Mĩ vào Đông Dương.

C. Sử dụng cố vấn quân sự, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

D. Quân đội Sài Gòn được sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương.

Câu 346. Ngày 24 và 25 – 4 – 1970 diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Chính phủ N. Xi-han-út bị lật đổ.

B. Chiến thắng “Lam Sơn – 719”.

C. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương. D. Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 347. Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam vừa ra đời đã được bao nhiêu nước công nhận?

A. 21 nước công nhận.

B. 22 nước công nhận.

C. 23 nước công nhận.

D. 24 nước công nhận.

Câu 348. Điều khoản nào trong Hiệp định Pari có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam?

A. Hoa kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống phá miền Bắc Việt Nam.

B. Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền.

C. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ.

D. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự.

Câu 349. Điểm giống nhau giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với các chiến lược chiến tranh trước đó là gì?

A. Đều là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ.

B. Đều có quân đội Mĩ, quân đồng minh Mĩ tham gia.

C. Lực lượng chủ yếu là quân Ngụy tay sai.

D. Lực lượng chủ yếu là quân đội Mĩ.

Câu 350. Âm mưu của Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari năm 1973 là

A. biến miền Nam thành quốc gia tự trị.

B. phá hoại Hiệp định Pari, tiếp tục chiến tranh.

C. chuẩn bị đánh chiếm vùng giải phóng.

D. phá hoại miền Bắc.

Câu 351. Hành động của Mĩ ở miền Nam sau Hiệp định Pari 1973 là

A. rút hết quân đội và cố vấn quân sự khỏi miền Nam.

B. giữ lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự, viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

C. Mĩ hóa trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. Thỏa hiệp với Liên Xô, Trung Quốc gây khó khăn cho ta.

Câu 352. Hành động phá hoại Hiệp định Pari 1973 của chính quyền Sài Gòn là

A. mở các cuộc hành quân “ bình định – lấn chiếm” vùng giải phóng.

B. tổ chức những cuộc hành quân tìm diệt, đánh vào căn cứ của ta.

C. đàn áp, khủng bố những hoạt động yêu nước của nhân dân miền Nam.

D. không tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 353. Để phá hoại Hiệp định Pari 1973, chính quyền Sài Gòn đã tiến hành chiến dịch



A. “ trả đũa ồ ạt”.

B. “ tìm diệt và bình định”.

C. “ tràn ngập lãnh thổ”.

D. “ bình định lần chiếm”.

Câu 354. Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (7 – 1973) đã nhận định kẻ thù của cách mạng miền Nam là

A. chính quyền Sài Gòn.

B. Mĩ và đồng minh của Mĩ.

C. đồng minh của Mĩ và chính quyền Sài Gòn.

D. đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

Câu 355. Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21 (7 – 1973) đã nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là

A. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. đòi Mĩ và chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Pari.

C. xây dựng và củng cố vùng giải phóng.

D. thực hiện triệt để “ người cày có ruộng”.

Câu 356. Cuối 1974 đầu 1975 ta mở hoạt động quân sự ở Nam Bộ với trọng tâm là ở

A. Xuân Lộc và Long Khánh.

B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

C. Tây Ninh và Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Phan Rang và Ninh Thuận.

Câu 357. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 trải qua 3 chiến dịch lớn là

A. Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng.

B. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

C. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

D. Tây Nguyên, Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng.

Câu 358. Sự kiện lịch sử diễn ra lúc 11h30 phút ngày 30 – 04 – 1975 là

A. quân ta nổ súng bắt đầu mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

B. tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức.

C. xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.

D. lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

Câu 359. Tình cuối cùng của miền Nam được giải phóng là

A. Cà Mau.

B. Rạch Giá.

C. Châu Đốc.

D. Bạc Liêu.

Câu 360. Hoàn cảnh lịch sử tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam kể từ đầu năm 1973 là

A. Mĩ tuyên bố ngừng ném bom đánh phá hoàn toàn miền bắc.

B. Mĩ kí Hiệp định Pari và rút quân đội ra khỏi nước ta.

C. Mĩ kí Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình ở Lào

D. vùng giải phóng của ta được mở rộng và lớn mạnh.

Câu 361. Thực chất hành động phá hoại Hiệp định Pari của chính quyền Sài Gòn là

A. củng cố niềm tin cho binh lính Sài Gòn.

B. hỗ trợ cho “chiến tranh đặc biệt tăng cường” ở Lào.

C. thực hiện chiến lược phòng ngự “ quét và giữ”.

D. tiếp tục chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh” của Ních sơn.

Câu 362. Thắng lợi quân sự có ý nghĩa chiến lược trong hoạt động quân sự ở Nam Bộ cuối 1974 đầu 1975 của ta là

A. giải phóng toàn tỉnh Bến Tre.

B. giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

C. giải phóng đường số 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.

D. giải phóng Xuân Lộc và toàn tỉnh Phước



Long.

Câu 363. Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong điều kiện lịch sử nào?

- A. Quân Mỹ và quân đội Sài Gòn bắt đầu suy yếu.
- B. Chính quyền và quân đội Sài Gòn bắt đầu khủng hoảng và suy yếu.
- C. Tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam phần nào có lợi cho cách mạng nước ta.
- D. Tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, ta mạnh hơn địch cả về thế và lực.

Câu 364. Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại ở thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”. Đó là thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam ?

- A. Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- B. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).
- C. Thắng lợi trong Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.
- D. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

Câu 365. Nội dung nào sau đây **không** phải ý nghĩa của chiến thắng Phước Long (06 – 01 – 1975)

- A. Chứng minh sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.
- B. Chứng tỏ sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn.
- C. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- D. Củng cố quyết tâm của Đảng ta trong việc đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 366. Nội dung nào sau đây **không** phải là lí do để Hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7 – 1973) khẳng định phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng?

- A. Chính quyền và quân đội Sài Gòn mở chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”.
- B. Mỹ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pari.
- C. Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.
- D. Ta quá nhân nhượng đến hòa bình, hòa hợp dân tộc.

Câu 367. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có ý nghĩa quốc tế là

- A. tác động đến tình hình thế giới. B. làm thay đổi cục diện chính trị thế giới.
- C. tác động đến nước Mỹ và thế giới. D. tác động đến nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào cách mạng thế giới.

Câu 368. Cho các sự kiện sau:

1. Chiến dịch Tây Nguyên.
2. Hội nghị BCHTW Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 21.
3. Chiến thắng Phước Long.
4. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên đúng trình tự thời gian.

- A. 2,3,1,4.
- B. 2,1,3,4.
- C. 1,2,3,4.
- D. 3,2,1,4.



Câu 369. Phương châm tác chiến của quân dân ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975) là

- A. “tiền ăn chắc, đánh ăn chắc”. B. “đánh nhanh, giải quyết nhanh”.
C. “cơ động, linh hoạt, chắc thắng”. D. “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

Câu 370. “Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam” là nhận định của Đảng ta sau thắng lợi của chiến dịch nào ?

- A. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long. B. Chiến dịch Tây Nguyên.
C. Chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng. D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 371. Ý nghĩa lớn nhất của thắng lợi chiến dịch Tây Nguyên là

- A. từ tiền công chiến lược ở Tây Nguyên, ta mở chiến dịch Hồ Chí Minh.
B. giải phóng được Tây Nguyên rộng lớn, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
C. đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
D. từ tiền công chiến lược ở Tây Nguyên, phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

Câu 372. Chiến dịch nào có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ?

- A. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long. B. Chiến dịch Tây Nguyên.
C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng. D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 373. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến dịch Huế - Đà Nẵng là

- A. đẩy quân đội Sài Gòn vào thế tuyệt vọng.
B. phá tan âm mưu co cụm chiến lược của quân đội Sài Gòn.
C. làm sụp đổ hệ thống phòng ngự chiến lược của chính quyền Sài Gòn ở miền Trung.
D. tạo thời cơ chiến lược cho ta mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa.

Câu 374. Điểm giống nhau giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

- A. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.
B. Đập ta hoàn toàn đầu não và sào huyệt cuối cùng của địch.
C. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng .
D. những thắng lợi quân sự có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.

Câu 375. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có ý nghĩa lớn nhất đối với dân tộc ta là

- A. chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.
B. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
C. mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập thống nhất, đi lên CNXH.
D. kết thúc 30 năm chiến tranh GPDT, bảo vệ tổ quốc.

Câu 376. Điểm giống nhau về âm mưu trong các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam từ năm 1961 đến năm 1975 là

- A. nhằm thực hiện chính sách bình định, nhằm chiếm đất, giành dân .
B. nhằm thí điểm chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của Mỹ.
C. chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa của Mỹ.
D. biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ.

Câu 377. Đường lối cách mạng xuyên suốt của Đảng ta trong thời kỳ 1954 – 1975 là



A. tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng.

B. tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc.

C. tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. tiến hành đồng thời cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng DTDCND ở miền Nam.

Câu 378. Điểm giống nhau cơ bản giữa Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của BCHTW Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của BCHTW Đảng Lao động Việt Nam (7-1973) là

A. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. tiếp tục đấu tranh chính trị, hòa bình là chủ yếu.

C. khẳng định con đường cách mạng bạo lực.

D. khởi nghĩa giành chính quyền bằng đấu tranh chính trị là chủ yếu .

Câu 379. Nguyên nhân chủ quan cơ bản nhất dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân ta.

C. có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

D. tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân hai miền Nam – Bắc.

Câu 380. Nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

A. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

B. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

C. kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng, tiến công và nổi dậy.

D. kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao.

Câu 381. So với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) có gì khác về hình thức tiến công ?

A. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.

B. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng.

C. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang, có sự hỗ trợ của lực lượng biệt động.

D. Là cuộc tiến công của lực lượng vũ trang, có sự hỗ trợ của lực lượng chính trị.

Câu 382. Điểm giống nhau về quy mô giữa chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

A. huy động đến mức cao nhất về lực lượng.

B. sử dụng hầu hết các binh chủng, quân chủng.

C. tấn công vào một tập đoàn cứ điểm mạnh.

D. tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ cơ quan đầu não của địch.

Câu 383. Một trong những bài học xuyên suốt, trở thành nhân tố cơ bản nhất quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay là

A. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.

B. không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

C. sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Câu 384. Thành tựu chủ yếu của miền Bắc trong hơn 20 năm tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954-



1975) là

- A. xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa cộng sản.
- D. xây dựng xong cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- C. chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- B. bước đầu xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Câu 385. Những cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mỹ để lại hậu quả gì đối với miền Bắc?

- A. Nền kinh tế phát triển mất cân đối.
- B. Làm chậm quá trình tiến lên sản xuất lớn.
- C. Tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.
- D. Cản trở công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Câu 386. Nền nông nghiệp miền Nam gặp phải những khó khăn gì sau đại thắng mùa Xuân 1975?

- A. Thiên tai làm cho ruộng đất không canh tác được.
- B. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá, bị bỏ hoang.
- C. Một triệu hécta rừng bị chất độc hóa học và bom đạn cây xói.
- D. Vô số bom mìn còn bị vùi lấp trên các cánh đồng, ruộng vườn.

Câu 387. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975 là gì?

- A. Hàn gắn vết thương chiến tranh.
- B. Tiếp tục làm nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước.
- C. Tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.
- D. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 388. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975) đã đề ra nhiệm vụ gì?

- A. Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.
- B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc – Nam.
- D. Hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.

Câu 389. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước được tổ chức tại Sài Gòn đã

- A. quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- B. thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.
- C. bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất, Ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam.
- D. nhất trí hoàn toàn các chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 390. Tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại sự kiện chính trị nào dưới đây?

- A. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).
- B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).
- C. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975).
- D. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (7-1976).

Câu 391. Thành tựu ngoại giao quan trọng của nước ta trong năm 1977 là gì?

- A. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ.
- B. Trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- C. Gia nhập tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.



D. Được 94 nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

Câu 392. Tại sao nước ta phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau đại thắng mùa Xuân 1975?

- A. Chống lại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.
- B. Do mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.
- C. Đảng cần có cơ quan quyền lực chung cho nhân dân cả nước.
- D. Nhân dân hai miền mong muốn có một chính phủ thống nhất.

Câu 393. Sự kiện gì đã diễn ra vào ngày 20-9-1977?

- A. Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ.
- B. Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- C. Việt Nam hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.
- D. Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.

Câu 394. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước là gì?

- A. Tạo điều kiện đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. Góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
- C. Là cơ sở để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.
- D. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

Câu 395. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của nước ta là gì?

- A. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.
- B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.
- C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- D. Khắc phục hậu quả chiến tranh và khôi phục phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 396. Kết quả lớn nhất của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI nước Việt Nam là gì?

- A. Bầu ra Ban dự thảo Hiến pháp.
- B. Bầu ra Hội đồng nhân dân các cấp.
- C. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- D. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 397. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam có đặc điểm gì?

- A. Tồn tại sự chia rẽ, phân biệt giữa hai miền.
- B. Đất nước đã được thống nhất về mặt nhà nước.
- C. Tổ Quốc Việt Nam được thống nhất về mặt lãnh thổ.
- D. Mỗi miền vẫn tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

Câu 398. Nội dung nào **không** thuộc Nghị quyết của kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI?

- A. Quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- B. Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của nước Việt Nam thống nhất.
- C. Thông qua chính sách đối nội, đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.
- D. Nhất trí hoàn toàn các chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 399. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam có đặc điểm gì?

- A. Tồn tại sự chia rẽ, phân biệt giữa hai miền.
- B. Đất nước đã được thống nhất về mặt nhà nước.
- C. Tổ Quốc Việt Nam được thống nhất về mặt lãnh thổ.
- D. Mỗi miền vẫn tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

Câu 400. Sự kiện nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của



đất nước?

A. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

C. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

D. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong toàn quốc.

Câu 401. Đặc điểm cơ bản của kinh tế miền Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 là

A. tập thể hóa nông nghiệp.

B. công nghiệp, sản xuất lớn và tập trung.

C. nông nghiệp, sản xuất nhỏ và phân tán.

D. phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa trong chừng mực.

Câu 402. Thuận lợi cơ bản của đất nước sau đại thắng mùa Xuân 1975 là gì?

A. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.

B. Đất nước đã được độc lập, thống nhất.

C. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.

B. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Câu 403. Ý nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau đại thắng mùa Xuân năm 1975?

A. Mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

B. Mở ra những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.

C. Là cơ sở để hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

D. Tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

Câu 404. Chọn một câu trả lời đúng nhất để điền vào chỗ trống hoàn thiện đoạn tư liệu sau: “Quốc hội thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất, quyết định tên nước là (a), quyết định Quốc huy mang dòng chữ (b),Quốc ca là bài (c)...” (Lịch sử 12, NXB Giáo dục 2009, tr.202)

A. a-Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, b-Độc lập-Tự do-Hạnh phúc, c-Tiến quân ca.

B. a-Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, b-Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, c-Tiến quân ca.

C. a-Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, b-Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, c-Quốc ca Việt Nam.

D. a-Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, b-Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, c-Tiến quân ca.

Câu 405. Nội dung nào **không** là tình hình chính trị, xã hội miền Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975?

A. Những di hại của xã hội cũ vẫn tồn tại.

B. Cơ sở chính quyền của Pháp vẫn còn tồn tại.

C. Cơ sở chính quyền thực dân mới vẫn tồn tại.

D. Chế độ thực dân mới của Mỹ cùng bộ máy chính quyền trung ương bị sụp đổ.

Câu 406. Việc làm quan trọng để ổn định hệ thống chính quyền và hệ thống chính trị sau đại thắng mùa Xuân 1975 là gì?

A. Xóa bỏ chính quyền cũ.

B. Giải tán các đảng phái thân Mỹ.

C. Thành lập chính quyền địa phương.

D. Thành lập chính quyền cách mạng và đoàn thể các cấp

Câu 407. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh ý nghĩa của hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

A. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

B. Đập tan những âm mưu chống phá của kẻ thù.

C. Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho nhà nước cách mạng tồn tại.

D. Phát huy tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.



Câu 408. Điểm giống nhau về hoàn cảnh lịch sử diễn ra hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

- A. Đối mặt với những nguy cơ đe dọa của thù trong, giặc ngoài.
- B. Tình hình đất nước có những điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội.
- C. Được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân loại trên thế giới.
- D. Được tiến hành ngay sau những thắng lợi to lớn của kháng chiến chống ngoại xâm.

Câu 409. Tinh thần gì được phát huy qua hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

- A. Đại đoàn kết dân tộc.
- B. Đoàn kết quốc tế vô sản.
- C. Yêu nước chống ngoại xâm.
- D. Kiên cường vượt qua khó khăn gian khổ.

Câu 410. Ai là người được bầu làm chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Trần Phú.
- B. Trường Chinh.
- C. Nguyễn Văn Cừ.
- D. Tôn Đức Thắng.

Câu 411. Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh đất nước như thế nào?

- A. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất – kĩ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp.
- B. Năng suất lao động và hiệu quả kinh tế chưa cao, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.
- C. Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm.
- D. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế-xã hội.

Câu 412. Đại hội nào của Đảng ta đã mở đầu cho công cuộc đổi mới đất nước?

- A. Đại hội V (1982).
- B. Đại hội VI (1986).
- C. Đại hội VII (1991).
- D. Đại hội VIII (1996).

Câu 413. Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới kinh tế là

- A. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- B. cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thương nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh.
- C. xây dựng một bước về cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, hình thành cơ cấu kinh tế mới.
- D. phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Câu 414. Một trong những chủ trương của Đảng ta về đường lối đổi mới chính trị là

- A. đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, từ kinh tế-chính trị đến tổ chức.
- B. xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- C. phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng con người mới.
- D. đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới về chính trị, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Câu 415. Đường lối đổi mới của Đảng ta là đổi mới toàn diện, nhưng trọng tâm là đổi mới trong lĩnh vực nào?

- A. Chính trị.
- B. Kinh tế.
- C. Văn hóa.
- D. Xã hội.

Câu 416. Công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn (1986-1990) bước đầu đạt được thành tựu, trước tiên trong việc thực hiện các mục tiêu của

- A. Ba chương trình kinh tế.
- B. kinh tế đối ngoại.
- C. tài chính-tiền tệ.
- D. kinh tế-xã hội.

Câu 417. Một trong những hạn chế của công cuộc đổi mới giai đoạn (1986-1990) trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển là gì?

- A. Trình độ khoa học và công nghệ chuyển biến chậm.
- B. Hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động thấp.
- C. Nền kinh tế còn mất cân đối, lạm phát vẫn ở mức cao, hiệu quả kinh tế thấp.
- D. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất-kĩ thuật lạc hậu.



Câu 418 Thành công lớn của ngoại giao Việt Nam trong năm 1995 là

- A. Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN. B. Việt Nam gia nhập WTO
C. Việt Nam gia nhập diễn đàn kinh tế Châu Á Thái Bình Dương. D. Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc.

Câu 419. Thành tựu kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1986-1990 là

- A. hàng xuất khẩu tăng gấp 1,5 lần. B. hàng xuất khẩu tăng gấp 2 lần.
C. hàng xuất khẩu tăng gấp 2,5 lần. D. hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần.

Câu 420. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1996-2000), cơ cấu các ngành kinh tế nước ta có sự chuyển biến như thế nào?

- A. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng công-nông kết hợp.
B. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
C. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.
D. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, nông nghiệp hóa.

Câu 421. Thành tựu quan trọng của Việt Nam trong kế hoạch 5 năm (1991-1995) trong lĩnh vực đối ngoại là gì?

- A. Đấu tranh ngoại giao, góp phần chấm dứt cuộc nội chiến ở Campuchia.
B. Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động của quốc tế.
C. Củng cố và tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á.
D. Củng cố và tăng cường quan hệ với các nước Đông Âu.

Câu 422. Đại hội nào của Đảng ta chủ trương “tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp hiện đại”?

- A. Đại hội V (1982). B. Đại hội VI (1986). C. Đại hội VIII (1996). D. Đại hội IX (2001).

Câu 423. Một trong những ý nghĩa to lớn của những thành tựu về kinh tế-xã hội của nước ta trong 15 năm (1986-2000) thực hiện đường lối đổi mới là

- A. tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, nhưng khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc.
B. hàng hóa trên thị trường dồi dào, lưu thông thuận lợi, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước.
C. hệ thống chính trị đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử.
D. tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân.

Câu 424. Một trong những khó khăn và yếu kém về kinh tế - xã hội của nước ta sau 15 năm (1986-2000) thực hiện đường lối đổi mới là gì?

- A. Lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất còn lạc hậu.
B. Kinh tế Nhà nước chưa được củng cố tương ứng với vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể chưa mạnh.
C. Nền kinh tế còn mất cân đối lớn, lạm phát ở mức cao, lao động thiếu việc làm.
D. Hiệu quả nền kinh tế quốc dân thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

Câu 425. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước bước đầu hình thành sau khi thực hiện

- A. kế hoạch 5 năm (1980-1985). B. kế hoạch 5 năm (1986-1990).
C. kế hoạch 5 năm (1991-1995). D. kế hoạch 5 năm (1996-2000).



Câu 426. Tại Đại hội Đảng lần thứ VI(1986) đã bầu ai làm Tổng bí thư?

- A.Trường Chinh. B.Nguyễn Văn Linh. C.Võ Văn Kiệt. D.Đỗ Mười.

Câu 427. Những thành tựu đạt được bước đầu của công cuộc đổi mới giai đoạn (1986-1990) chứng tỏ điều gì?

- A. Đường lối đổi mới phát huy được sức mạnh của quần chúng nhân dân.
B. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới.
C. Quan hệ đối ngoại của ta được mở rộng, phá thế bị bao vây.
D. Đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp.

Câu 428. Đại hội nào của Đảng ta đã khẳng định nước ta đã chuyển sang thời kì phát triển mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

- A. Đại hội V (1982). B. Đại hội VI (1986). C. Đại hội VIII (1996). D. Đại hội IX (2001).

Câu 429. Chủ trương đổi mới về kinh tế được Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đề ra là gì?

- A. Phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp.
B. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
C. Phát triển công-nông nghiệp, thủ công nghiệp theo hướng hàng hóa.
D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

Câu 430. Thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995, nhân dân ta đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực tài chính?

- A. Lạm phát ở mức cao, thiếu hụt ngân sách cao.
B. Đồng tiền bị phá giá, ngân sách thiếu hụt.
C. Nạn lạm phát từng bước được đẩy lùi, tỉ lệ thiếu hụt ngân sách được kiềm chế.
D. Lạm phát được đẩy lùi, thiếu hụt ngân sách được kiềm chế.

Câu 431. Tại sao Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới đất nước?

- A. Đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện, tình hình thế giới có nhiều thuận lợi.
B. Tình hình trong nước có nhiều thuận lợi, Đảng đổi mới để nắm bắt thời cơ.
C. Đất nước đang trên đà phát triển và được sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa.
D. Để khắc phục sai lầm, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng và đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 432. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?

- A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
C. Làm cho mục tiêu đã đề ra được nhanh chóng thực hiện.
D. Làm cho mục tiêu đã đề ra thực hiện có hiệu quả và phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 433. Tại sao trong giai đoạn đầu của thời kì đổi mới (1986-1990), Đảng ta chủ trương thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn: lương thực-thực phẩm-hàng tiêu dùng và xuất khẩu?

- A. Để giải quyết nhu cầu về lương thực-thực phẩm-hàng tiêu dùng cho nhân dân.
B. Để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu lương thực- thực phẩm-hàng tiêu dùng.
C. Để giải quyết nhu cầu về thu nhập và việc làm cho người lao động.
D. Để tận dụng lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực.



Câu 434. Xây dựng nền dân chủ XHCN, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân được thể hiện trong lĩnh vực nào của đường lối đổi mới?

- A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Văn hóa. D. Xã hội.

Câu 435. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

- A. Phát triển kinh tế đối ngoại. B. Kiểm chế được lạm phát.
C. Thực hiện được ba chương trình kinh tế. D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.

Câu 436. Nguyên nhân nào sau đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khủng hoảng trầm trọng về kinh tế-xã hội trong những năm 1980-1985?

- A. Do hậu quả chiến tranh. B. Do sai lầm, khuyết điểm trong việc lãnh đạo, quản lí.
C. Do chính sách cấm vận của Mỹ. D. Do quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc căng thẳng.

Câu 437. Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế nước ta trước và sau thời điểm đổi mới là gì?

- A. Chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường.
B. Chuyển từ nền kinh tế thị trường sang nền kinh tế tập trung bao cấp.
C. Xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.
D. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.

Câu 438. Nguyên nhân quyết định làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta là

- A. sự lãnh đạo suốt của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.
B. tinh thần đoàn kết, lao động cần cù của nhân dân Việt Nam.
C. hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, sự giúp đỡ to lớn của bạn bè thế giới.
D. tình đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân ba nước Đông Dương

Câu 439. Tác động lớn nhất của tình hình thế giới đến công cuộc đổi mới của Đảng ta là

- A. hệ thống CNTB thế giới đang lớn mạnh. B. chính sách diễn biến hòa bình của Hoa Kỳ.
C. cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của hệ thống XHCN.
D. cuộc Chiến tranh lạnh chấm dứt.

Câu 440. Vì sao trong đường lối đổi mới (1986), Đảng chọn đổi mới kinh tế là trọng tâm?

- A. Do đất nước đang khủng hoảng kinh tế trầm trọng. B. Do đất nước đang thiếu lương thực trầm trọng.
C. Do hàng hóa trên thị trường khan hiếm. D. Do yêu cầu giải quyết việc làm cho nhân dân.

Câu 441. Một trong những điểm mới của Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) so với Đại hội Đảng lần thứ V (1982) là gì?

- A. Đảng nhận thức được thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kì lâu dài nhưng gặp nhiều thuận lợi.
B. Đảng nhận thức được thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kì lâu dài, khó khăn và trải qua nhiều giai đoạn.
C. Đảng nhận thức được thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu cấp thiết và quyết tâm thực hiện.
D. Đảng nhận thức được phải đổi mới để nhanh chóng đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 442. Yếu tố quyết định nhất dẫn đến sự thành công trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới là

- A. đổi mới kinh tế-chính trị. B. đổi mới về văn hóa -xã hội.
C. đổi mới về tư duy, nhất là tư duy về kinh tế. D. đổi mới về chính sách đối ngoại.

Câu 443. Một trong những bài học kinh nghiệm cơ bản được Đảng ta rút ra trong thời kì đầu đổi mới là

- A. huy động cả hệ thống chính trị vào công cuộc đổi mới.



- B. tranh thủ sự giúp đỡ của các nước trong khu vực.
- C. duy trì môi trường hòa bình để xây dựng đất nước.
- D. đẩy mạnh quan hệ đối ngoại hòa bình.

www.hoc247.net



Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.

- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường **PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An** và các trường Chuyên khác cùng **TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn**.

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.

- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: **TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn** cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

*HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí*

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.

- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.